

ĐẶNG MINH HÙNG

(Sưu tầm và tuyển chọn)

**NHỮNG CÂY THUỐC
VÀ VỊ THUỐC QUÝ CHỮA BỆNH
Ở MIỀN NÚI VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN

KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

ỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách *“Những cây thuốc và vị thuốc quý chữa bệnh ở miền núi Việt Nam”* là kết quả của quá trình sưu tầm, biên soạn đầy tâm huyết của tác giả Đặng Minh Hùng với mong muốn giới thiệu kho tàng tri thức dân gian về cây thuốc, vị thuốc và phương pháp sử dụng của đồng bào các dân tộc vùng núi Việt Nam.

Tác phẩm trình bày tổng quan về đặc điểm tự nhiên, điều kiện trồng, chăm sóc, thu hái và bảo quản các loại cây dược liệu; đồng thời hệ thống hóa hàng chục loài cây thuốc quý đang được sử dụng phổ biến trong đời sống và y học cổ truyền. Đây là những cây thuốc vừa có giá trị dược học, vừa mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần phát triển sinh kế, xóa đói giảm nghèo cho người dân miền núi. Cuốn sách cũng là tài liệu hữu ích phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp và y học cổ truyền.

Ngày 18/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”, mục tiêu của Chương trình là giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, trong đó có giảm nghèo về thông tin. Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 và Thông tư số 01/2025/TT-BTTTT ngày 18/02/2025 hướng dẫn thực hiện Dự án “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện nhiệm vụ Lãnh đạo Bộ giao,

Nhà xuất bản Khoa học – Công nghệ – Truyền thông phối hợp với tác giả Đặng Minh Hùng biên soạn và xuất bản cuốn sách *“Những cây thuốc và vị thuốc quý chữa bệnh ở miền núi Việt Nam”*. Cuốn sách có cấu trúc gồm ba phần chính:

Phần I: Khái quát chung về kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cây dược liệu – giới thiệu điều kiện tự nhiên, kỹ thuật trồng, chọn giống, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch và bảo quản.

Phần II: Giới thiệu một số cây thuốc và vị thuốc quý có nhiều ở vùng đồi núi, với thông tin về đặc điểm thực vật, phân bố, tác dụng, công dụng và kinh nghiệm sử dụng trong dân gian.

Phần III: Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến một số cây thuốc – trình bày chi tiết kỹ thuật sản xuất và ứng dụng thực tiễn cho nhiều loại cây dược liệu phổ biến.

Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn sách sẽ khó tránh khỏi thiếu sót, Nhà xuất bản Khoa học - Công nghệ - Truyền thông rất mong nhận được ý kiến góp ý của độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến xin gửi về địa chỉ: Nhà xuất bản Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện – 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Hà Nội.

Trân trọng giới thiệu.

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là nước nằm trọn trong vùng nhiệt đới gió mùa, vì thế mà vùng rừng núi nước ta có nguồn cây thuốc và vị thuốc thiên nhiên vô cùng phong phú và đa dạng như: hoàng nàn, mã tiền, hoàng liên, hà thủ ô, ba kích, cỏ ngọt, thảo quả... Đó là những cây thuốc có giá trị về mặt y học cũng như có giá trị về mặt kinh tế. Mỗi năm cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu hàng nghìn tấn sản phẩm dược liệu như quế, hồi, thảo quả, hòe, địa liền, hương nhu, ích mẫu, đương quy, địa hoàng, bạch chỉ, bạc hà, bạch truật... Tuy nhiên, tình trạng phá rừng và khai thác tràn lan đang làm cạn kiệt nguồn dược liệu quý hiếm này. Hiện nay, Việt Nam phải nhập phần lớn dược liệu từ nước ngoài với giá cao hơn trong nước rất nhiều và chất lượng chưa được bảo đảm. Trong khi đó, người dân Việt Nam có truyền thống sử dụng các loại thuốc y học cổ truyền và các bài thuốc dân gian để điều trị hoặc bồi bổ sức khỏe. Các đơn vị sản xuất dược hiện nay chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng dược liệu của người dân, nhất là dược liệu sạch và bảo đảm chất lượng.

Gần đây, xu hướng khai thác và sử dụng cây dược liệu đang ngày càng phát triển. Nó mang lại hiệu quả

kinh tế thiết thực cho người dân, góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng. Vấn đề hiện nay là khai thác sao cho có lợi, duy trì được sự phát triển của cây dược liệu. Việc chế biến tại chỗ sẽ đỡ công kênh và hiệu quả như thanh mộc (nấu cao), huyết đằng (lấy nhựa), chè cây, bạch đàn, hoa hồi... có thể chiết lấy tinh dầu. Hay một số loại củ, vỏ cây thì thái hoặc sấy khô để chuyên chở cho gọn nhẹ, dễ dàng và thời gian bảo quản được lâu.

Cuốn sách “*Những cây thuốc và vị thuốc quý chữa bệnh ở miền núi Việt Nam*” trình bày đặc tính, chức năng, công dụng cũng như kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến một số cây thuốc giúp người dân có thêm kinh nghiệm để khai thác và trồng loại cây này có hiệu quả cao.

Trong quá trình biên soạn và sưu tầm, không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của độc giả để trong những lần xuất bản sau, cuốn sách có được nội dung và chất lượng chuyên môn tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Đặng Minh Hùng

PHẦN I

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU

I. KHÁI NIỆM

Cây cỏ có bộ phận hay toàn cây sử dụng làm thuốc (có hoạt tính sinh học phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người) là *cây thuốc*. Có thể nói, cây thuốc giữ một vị trí quan trọng trong việc xây dựng nền y học Việt Nam. Từ lâu, việc nghiên cứu, sử dụng và phát triển cây thuốc, cây dược liệu đã được khẳng định trong đường lối xây dựng nền y học dân tộc.

Chỉ thị số 210/TTg ngày 06/12/1966 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định vị trí và giá trị của dược liệu: “Dược liệu ở nước ta rất nhiều, gồm các loài cây thuốc và một số động vật ở nước ta. Chẳng những là cơ sở của nền y học dân tộc mà còn có vị trí trong nền y học hiện đại. Chẳng những là nguồn tự cung tự cấp về thuốc Nam, thuốc Bắc và thuốc Tây mà còn là loại hàng hóa xuất khẩu có giá trị phải coi trọng dược liệu như cây công nghiệp cao cấp”.

Thực tế trong mấy thập kỉ qua, cùng với việc ứng dụng những thành tựu y học hiện đại, cây thuốc đã góp phần không nhỏ trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh, bồi bổ sức khỏe cho nhân dân. Nhiều loại cây trồng đã được đưa vào trồng từ quy mô gia đình đến hợp tác xã, nông trường để sử dụng trong y học cổ truyền, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược và xuất khẩu.

Có rất nhiều thành phần các loại cây dược liệu khác nhau như: Dược liệu dùng để chữa bệnh, dược liệu dùng làm nguyên liệu...

- Cây dược liệu dùng để chữa bệnh có thể là các loại cây dùng để chữa bệnh trực tiếp như là: Cây gừng, cây tía tô, ngải cứu, hương nhu, sả...

- Cây dược liệu làm nguyên liệu để từ đó bào chế như: địa hoàng phơi khô là sinh địa, đun sấy là thực địa, hoặc các loại cây như: sâm quy, bạch truật, bắc khởi tử, hồi, quế, cam thảo, ý dĩ, sa nhân, tam thất, nhục đậu khấu.

- Các cây dược liệu làm nguyên liệu chiết xuất các hoạt chất trung gian để tổng hợp thành thuốc, chẳng hạn như:

 - + Hoa hòe chiết xuất rutin.

- + Mã tiền chiết xuất strychnine bruxin.
- + Cỏ ngọt chiết xuất steviozit.

II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÂY THUỐC VÀ CÂY DƯỢC LIỆU

Những năm gần đây, nhu cầu trong nước và quốc tế về cây thuốc cây dược liệu có nguồn gốc từ thảo dược để điều trị bệnh, bổ dưỡng sức khỏe là rất lớn. Trong khi đó, nguồn thảo dược hiện chủ yếu được khai thác tự nhiên ngày càng khan hiếm, một số loài quý có nguy cơ tuyệt chủng do khai thác bừa bãi, đặc biệt là những thôn, xã vùng giáp biên giới Việt - Trung.

Trồng và chế biến các sản phẩm từ cây thuốc cây dược liệu sẽ tạo ra các sản phẩm đặc trưng vùng miền, góp phần ổn định đời sống, tạo công ăn, việc làm cho người dân, đồng thời phát huy thế mạnh của địa phương và bảo tồn được những loài thuốc, dược liệu quý... Đây là hướng đi đúng, có tính khả thi trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng nhằm đem lại lợi nhuận cao, tăng tính ổn định bền vững hệ sinh thái rừng, lại không ảnh hưởng đến quỹ đất của cây trồng khác.

Phát triển cây thuốc là hướng đi mới của các tỉnh trong việc cải thiện môi trường, tăng thu nhập chuyên

dịch cơ cấu cây trồng, ổn định dân cư, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Cũng như mục tiêu quan trọng để góp phần xoá đói, giảm nghèo cho nhân dân, đặc biệt là các dân tộc vùng cao, biên giới.

Ở các nước đang phát triển như Việt Nam cũng như các nước công nghiệp tiên tiến đều sử dụng cả hai nguồn thuốc: thuốc dùng dựa trên cơ sở khoa học và thuốc dựa trên kinh nghiệm dân gian. Việc sử dụng thuốc theo kinh nghiệm dân gian đã có hiệu quả lâu dài đối với các bệnh mãn tính và mang tính hiệu quả cao.

Nước ta có một nền y học cổ truyền rất phát triển, do đó cây thuốc cây dược liệu cần được khai thác một cách triệt để nhằm phục vụ việc nâng cao sức khỏe cho nhân dân, sử dụng thuốc ngay tại chỗ, có hiệu quả kinh tế cao và khai thác để xuất khẩu.

Hiện nay việc trồng cây thuốc cây dược liệu có rất nhiều mô hình và nhiều cách để tạo hiệu quả cao cho người dân, tiêu biểu hơn cả đó là phương pháp dùng nguồn vốn liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, công ty và người dân với hình thức: doanh nghiệp đầu tư vốn, giống, phân bón, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm; người dân góp đất, công lao động và một phần vốn đầu tư. Các tỉnh tạo điều kiện, khuyến khích các

doanh nghiệp liên doanh với nhân dân phát triển các loài cây thuốc cây dược liệu theo cơ chế đầu tư thông thoáng, chính sách về đất sản xuất và xây dựng nhà xưởng, lưu thông hàng hóa, vận động nhân dân góp đất, nhân công...

III. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ THU HOẠCH CÂY THUỐC

1. Vùng trồng cây thuốc

Ảnh hưởng của khí hậu, thời tiết, đất, nước có vai trò quan trọng đến đời sống cây trồng, quyết định năng suất chất lượng sản phẩm. Cây thuốc cũng như mọi sinh vật khác cần được sinh sống trong môi trường thích hợp mới có điều kiện sinh trưởng và phát triển.

- *Chọn vùng sinh thái cho phù hợp*

Cây thuốc cây dược liệu có nguồn gốc sinh sống khác nhau, có những cây như: tam thất, hoàng liên thì thích hợp nơi núi cao. Các cây ưa lạnh, có thời gian sinh trưởng ngắn như: ngưu tất, địa hoàng... đều có thể trồng nhiều ở miền trung du, đồng bằng trong vụ thu đông.

- *Ánh sáng*

Ánh sáng giúp cho việc quang hợp của cây và thông qua quá trình đó mà tạo ra các chất hữu cơ. Thiếu ánh

sáng thì cây mọc chậm, yếu ớt, cây sinh trưởng không bình thường, lá mỏng không ra hoa hoặc ra hoa không đều. Song ánh sáng quá mạnh thì lá nhỏ, phiến lá dày, hoa cũng biến sắc.

Nhu cầu của mỗi loại cây về ánh sáng cũng khác nhau:

- + Hoắc hương ưa râm, nếu trồng chỗ nắng thì lá vàng, không thơm, cây phát triển kém.

- + Cây sinh địa ưa nắng, nếu trồng trong vườn rợp, cây sẽ chít lại, củ nhỏ.

- + Có những cây ưa sáng như: hương nhu, bạc hà, lại có những cây ưa bóng râm như: tam thất, sa nhân... Cây quế dưới 4 tuổi cần ít ánh sáng (che bóng) trên 4 tuổi cần nhiều ánh sáng...

Phần lớn các cây đều ưa sáng, nhưng do nhu cầu ánh sáng khác nhau, nên cần chú ý thời vụ và mật độ các loại cây sao cho thích hợp mới đạt được năng suất cao.

- *Nhiệt độ*

Mỗi loại cây thuộc sinh trưởng và phát triển trong một khoảng nhất định về nhiệt độ (nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất và nhiệt độ tối ưu). Tuy nhiên nhiệt độ trong không khí và nhiệt độ trong đất đều phụ thuộc

vào thời tiết nắng hay mưa, nắng nhiều gây khô hạn, nhiệt độ cao, trái lại mưa nhiều gây ẩm, úng hoặc lạnh quá đều ảnh hưởng gây hại đến sinh trưởng của cây. Nhiệt độ thấp, trời rét thì hạt không nảy mầm được hoặc mọc chậm, thời gian sinh trưởng kéo dài, ra hoa kết quả không đều hay chín muộn. Nhiệt độ cao quá thì các quá trình sinh trưởng tăng lên, sau đó suy yếu. Nếu nhiệt độ đất lên đến 50°C thì cây trồng bị khô héo. Nhiệt độ không khí cũng ảnh hưởng rất lớn đến cây thuốc, thí dụ: cây ích mẫu trồng ở đồng bằng nếu tháng 4 mới gieo thì sẽ gặp nắng nóng, nhiệt độ cao nên chỉ sau 1 tháng cây cao 30 cm và đã ra hoa, phải thu hoạch ngay nên sản lượng không đáng kể.

+ Quế sinh trưởng và phát triển cần nhiệt độ giới hạn cao nhất là $31 - 32^{\circ}\text{C}$, thấp nhất $1 - 9^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối ưu là $22 - 25^{\circ}\text{C}$.

+ Có những cây không chịu được nhiệt độ cao như tam thất, hoàng liên, nhân sâm. Có loại cây như nhân sâm phải gieo hạt vào mùa đông cây mới mọc.

+ Có cây không chịu được nhiệt độ thấp như cây chè trung du không chịu được nhiệt độ dưới 10°C , nếu nhiệt độ thấp kéo dài cây sẽ chết.

Nói chung nhiệt độ thích hợp cho đa số cây thuốc vào khoảng từ 18 đến 28°C.

- Độ ẩm

Cần chú ý đến hai loại độ ẩm: độ ẩm không khí và độ ẩm trong đất, chúng đều cần thiết cho sinh trưởng của cây trồng. Tác động trực tiếp đến độ ẩm là lượng mưa và phân bố lượng mưa trong năm. Chế độ sương mù và thời gian phân bố.

Nếu thiếu ẩm, mặt đất và cây trồng đều tăng cường thoát hơi nước thì cây sẽ khô héo, cần cỗi. Tuy nhiên ở từng thời kỳ sinh trưởng, cây thuốc có những yêu cầu khác nhau về độ ẩm, lúc mới gieo trồng cây còn non yếu cần có độ ẩm cao và thường xuyên. Nhưng khi cây ra hoa kết hạt, nếu độ ẩm cao quá sẽ làm hoa nở ít, hạt lép.

- Chọn đất trồng phù hợp

Phần nhiều cây thuốc ưa đất thịt pha cát, tơi xốp, nhiều màu mỡ. Những nơi nhiều cát sỏi, đất rời rạc hay nhiều đất sét, hay ngập nước đều không thể trồng cây thuốc được. Ở đất chua tuy cây mọc được, nhưng bộ rễ phát triển kém, độ pH có vai trò nhất định, có loại cây thuốc ưa axit, có loại ưa đất kiềm. Ví dụ: để phát triển

bạch truật độ pH cần từ 5 đến 6,5; quế từ 4,5 đến 5,5; sả từ 6 đến 7...

Đất đai bao gồm những chất hữu cơ (do sự phân huỷ của mùn đất) và chất vô cơ (sự phân huỷ của đất đá). Đất bao gồm các hạt, mỗi hạt có kích thước nhất định, muốn tăng độ phì nhiêu, toi xốp của đất cần bón phân hữu cơ. Thành phần của đất bao gồm các nguyên tố đa lượng (N, P, K), các nguyên tố trung lượng (Ca, Mg, Cl), và các nguyên tố vi lượng (Fe, Cu, Mn). Cần đánh giá chi tiết chất lượng đất và các thành phần gây độc hại tồn dư như kim loại nặng (asen, thủy ngân, cadimi...) nitrat, aflatoxin, thuốc bảo vệ thực vật, vi sinh vật gây hại... để chọn lọc hoặc khắc phục.

Lịch sử khu đất không có tồn dư yếu tố độc hại. Vị trí khu đất trồng, vùng trồng phải tránh xa những điểm có nguy cơ gây ô nhiễm, lan truyền, phát tán các tác nhân gây độc hại cho cây trồng và sản phẩm như các khu công nghiệp, khói lò gạch và lò xi măng, khu đổ rác thải, bệnh viện, khu dân cư...

2. Giống và nguyên liệu làm giống

- Đúng giống cây trồng (danh pháp, giống trồng trọt). Chất lượng giống được đảm bảo theo tiêu chuẩn

ngành (có xuất xứ, nơi sản xuất, tiêu chuẩn đạt yêu cầu). Tự sản xuất giống có hồ sơ đầy đủ quá trình sản xuất và đánh giá giống theo tiêu chuẩn ngành. Quản lý và kiểm soát được nguồn bệnh trong quá trình sản xuất, lưu trữ và lưu thông giống.

- *Chọn giống*

Giống tốt là điều kiện tăng năng suất cây trồng. Giống kém gây nhiều bệnh hại, giống lên ngồng ra hoa làm cho củ bị gỗ hóa (bạch chỉ), phẩm chất dược liệu kém. Giống có thể nhân bằng phương pháp hữu tính hoặc vô tính.

+ Nhân giống hữu tính: Ưu điểm của hình thức này là cho tỷ lệ nhân giống cao, tốn ít diện tích nhân giống. Thường lấy giống ở những cây thuốc khỏe, không sâu bệnh, hoặc có ruộng giống riêng. Ở một số cây thuốc cần tỉa bớt hoa để tập trung quả chắc, thu được nhiều hạt mẩy, tỷ lệ nảy mầm cao.

Đối với hạt giống cây thuốc có tinh dầu, không phơi nắng chỉ phơi râm, phơi nắng tỷ lệ nảy mầm giảm rất nhiều. Sau khi phơi khô sàng sảy kỹ loại bỏ hạt lép, bảo quản nơi khô mát thoáng gió (trong lọ sành, nút lá chuối khô) không nên đựng hạt giống trong lọ thủy tinh hay nút mài hoặc bọc giấy polyetylen dán kín. Có

những loại cây như tam thất, hoàng liên thì dùng hạt tươi vừa lấy xong để trồng. Các cây khác thì dùng hạt mới lấy ở vụ trước đó trồng tỷ lệ nảy mầm tốt nhất.

+ Nhân giống vô tính: Nhân giống vô tính cho dòng thuần, áp dụng cho cây không tạo hạt, trồng nhanh chóng được thu hoạch: các loại cây dùng củ, rễ, mầm, thân cành để trồng như: bạc hà, huyền sâm, địa hoàng, đan sâm. Nhân giống vô tính thường dùng trong trường hợp cây không tạo hạt (địa hoàng), hoặc cần thu hoạch sớm (hoa hòe). Người ta có thể ghép mắt để nhân giống như: cam, quýt...

3. Trồng trọt

- *Làm đất:*

+ Đất phải được cày ải, bừa kỹ đảm bảo tơi xốp. Với cây thuốc có rễ ăn sâu, cần cày sâu từ 20-30 cm. Lần cày bừa cuối cần kết hợp phòng trừ sâu bệnh, trừ cỏ dại (dùng các loại thuốc có nguồn gốc thảo dược, hạn chế sử dụng thuốc hóa học). Với vườn ươm cần phải chú ý hơn để cây con sinh trưởng được thuận lợi.

+ Đất phải được lên luống thuận lợi cho việc tưới tiêu, chăm sóc đi lại. Luống cao hay thấp tùy thuộc vào từng loại cây, thí dụ: với cây lấy lá, hoa như cúc hoa,

bạc hà không cần lên luống cao. Với những cây ưa ẩm như: mã đề cũng cần luống thấp. Với những cây lấy củ như: ngưi tất, đương quy, địa hoàng, bạch chỉ... thì cần làm luống cao để cây có điều kiện đâm rễ sâu, củ được to dài. Những cây phải trải qua mùa mưa cũng phải làm luống cao để tránh ngập úng.

- Bón phân

Cây thuốc cây dược liệu đòi hỏi nhiều chất dinh dưỡng dùng để sinh trưởng và phát triển, ra hoa, làm củ... cho nên chúng ta cần phải bón phân. Trồng cây thuốc người ta dùng nhiều loại phân bón một lúc:

+ Phân hữu cơ: Là loại phân thích hợp nhất hiện nay. Các loại phân như: phân chuồng, phân bắc ủ hoai mục, phân xanh, bèo hoa dâu... đều phải được ủ hoai mục hoàn toàn, thích hợp với cây thuốc, có tác dụng lâu bền cho cây.

+ Phân hóa học (vô cơ): Cung cấp kịp thời cho cây thuốc những yếu tố cần thiết trong giai đoạn phát triển. Tác dụng cung cấp bổ sung cho cây những yếu tố mà phân hữu cơ còn thiếu hoặc ở dạng khó hấp thu:

- Phân lân giúp cho cây tạo các mô, bộ rễ phát triển. Các dạng phân lân của ta hiện nay hầu hết là phân

khó hấp thụ, nên thường bón lót cùng với phân chuồng.

- Phân đạm: Ở các muối dạng amoni sunfat $[(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4]$, amoni nitrat (NH_4NO_3) , hoặc ure $[\text{CO}(\text{NH}_2)_2]$ giúp cây tăng trưởng nhanh, cây chóng hồi xanh. Thiếu đạm cây sẽ cằn cỗi, lá vàng, hoa không trổ hoặc thưa. Ngược lại bón đạm nhiều quá cây mọc vống, hoa quả ít, củ ít tinh bột, khó chế biến và phẩm chất kém, sản phẩm chứa nitrat cao còn là nguyên nhân gây bệnh ung thư. Đạm tồn dư trong đất là nguyên nhân gây độc hại cho đất nên bón đạm vừa phải, đúng thời điểm cây có nhu cầu.
- Phân kali: Giúp cây tạo mô, xúc tiến quá trình hình thành tinh bột, tăng khả năng chống rét, chống chịu sâu bệnh, tăng khả năng hấp thụ đạm của cây. Các cây thuốc lấy củ và hạt rất cần kali, phân kali thường ở dạng sunfat (K_2SO_4) hoặc nitrat (KNO_3) , dùng để bón lót hay bón thúc.
- Vôi bột: Cung cấp canxi cho cây, thiếu canxi rễ cây phát triển kém, hoa rụng sớm. Vôi khử chua cho đất và củng cố kết cấu đất. Có thể không phải bón vôi nếu đất không chua.

* Muốn cây phát triển tốt, cần phải bón thúc và tưới nước như sau:

- Dùng phân chuồng hoai mục tưới thúc (pha loãng 3 - 5 lần). Với cây lấy thân, hoa, lá dùng phân hữu cơ hoai mục pha loãng tưới ở thời gian sinh trưởng. Cây chớm nụ thì ngừng bón. Với cây lấy rễ, củ dùng phân hoai mục bón thúc.
- Phân hóa học dùng như sau: Phân đạm sunfat không dùng cho đất pH thấp (chua), đạm dùng bón thúc cho cây. Khi bắt đầu hình thành củ thì ngừng bón. Với loại cây có thời gian sinh trưởng dài thì bón thúc phân thành nhiều đợt.

- *Thời vụ gieo trồng và kỹ thuật gieo trồng*

+ *Gieo trồng đúng thời vụ*: Mỗi loài cây trồng có thời vụ thích hợp cho từng vùng trong năm riêng như vùng Đồng bằng Bắc Bộ cây đương quy gieo hạt tháng 9 - 10, trồng cây tháng 10 - 11. Vùng núi cao (Sa Pa) cây đương quy gieo hạt tháng 8 -9 trồng tháng 9 -10...

+ *Mật độ gieo trồng*: Mật độ cây trồng là số cây trên diện tích sản xuất. Mật độ lý thuyết là mật độ cây trên 1 m² nhân lên cho 1ha (10.000 m²) luôn cao hơn mật độ thực tế vì chưa trừ đi diện tích rãnh luống. Vì

thể người ta dùng khái niệm khoảng cách là kích thước cách nhau của cây trồng gồm cách hàng và cách cây.

Mỗi loài cây trồng thích ứng với một mật độ khoảng cách khác nhau, trồng đúng mật độ đảm bảo cây sử dụng ánh sáng và đất trồng hiệu quả nhất, cây sinh trưởng mạnh, giảm thiểu sâu bệnh, cho năng suất và chất lượng cao nhất.

Gieo thẳng trên ruộng sản xuất như: đương quy, ngưi tât, sâm bố chính...

Vừa gieo thẳng vừa gieo trong vườn ươm cây con rồi đánh ra trồng như: bạch chỉ, bạch truật, ích mẫu. Cần chú ý đối với cây lấy củ như: bạch chỉ, huyền sâm trồng bằng cây con hay bị chột không có củ cái to, nhiều củ con. Sau khi gieo cần được che phủ bằng rơm rạ, cỏ khô... giữ ẩm, sau gieo tưới ẩm, khi cây có lá mầm thì gỡ bỏ rơm rạ phủ để cây mọc nhanh. Gieo thẳng tía định cây đảm bảo mật độ.

- Xới xáo, làm cỏ:

Cần xới phá váng sau mưa, tránh kết váng, đất tơi xốp cho cây sinh trưởng cần xới nhẹ, nông và nhỏ sạch cỏ.

Với cây thuốc lấy củ, rễ như: huyền sâm, sinh địa, bạch truật... cần vun đắp vào gốc 3 -4 lần sau mỗi lần

bón thúc, có tác dụng vững cây, tránh đổ mà còn phòng bệnh lở cổ rễ. Đừng xới xáo khi cây phủ kín luống.

- *Tỉa cây:*

Cần tỉa bỏ bớt cây theo yêu cầu của từng loại cây, vì cây mọc dày cần tỉa bớt cho đúng mật độ và giâm lại vào chỗ thưa hoặc đem trồng nơi khác, tỉa bỏ cây xấu, cây có bệnh, cây còi cọc... Những cây trồng bằng mầm cần tỉa bỏ các mầm yếu, chỉ để lại mỗi hốc vài mầm to, cho cây khỏe, năng suất cao.

- *Tưới cây:*

Cây thuốc đều ưa ẩm nhưng lại sợ úng. Do đó hạn phải tưới, khi mưa to phải tháo nước kịp thời. Cần chú ý tưới kịp thời vào giai đoạn cây ra củ, đâm hoa, kết hạt để cây đủ ẩm, cho năng suất thu hoạch cao.

- *Luân canh:*

Đất trồng cây thuốc không thể cố định liên canh. Luân canh có tác dụng tận dụng được các chất dinh dưỡng trong đất và hỗ trợ các cây trồng trước, cây trồng sau, giảm thiểu sâu bệnh hại. Ví dụ:

+ Vụ lúa sớm thu hoạch sau đó trồng bạch chỉ sẽ làm đất đồng hạn chế cỏ dại và sâu bệnh cho cây thuốc.

+ Trái lại trồng bạc hà liên tiếp trên một thửa đất sẽ bị thất thu năng.

Một số cách luân canh cây dược liệu:

+ Luân canh cây lấy củ và cây lấy lá như: bạch chỉ (củ) - ích mẫu (lá).

+ Luân canh cây có rễ ăn sâu với cây có bộ rễ ăn nông như: ngư tử, địa liên.

+ Luân canh cây thuốc với cây lương thực.

Tóm lại, việc trồng luân canh đối với cây thuốc cần chú ý để cây cho năng suất, chất lượng đều tốt đảm bảo tiêu chuẩn của phẩm cấp dược liệu.

4. Phòng trừ sâu bệnh

Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm của nước ta, sâu bệnh phát sinh dễ dàng và gây bệnh rất lớn cho cây thuốc. Cây thuốc trồng ở nước ta có nhiều loại, với thời gian sinh trưởng và phát triển khác nhau, do đó sự diễn biến của sâu bệnh hại cũng hết sức phức tạp. Ngoài ra mức độ gây hại cũng phụ thuộc vào các điều kiện ngoại cảnh khác như: đất đai, khí hậu, nguồn bệnh.

Có những bệnh chính như:

+ Lở cổ rễ thường xuất hiện vào thời kỳ cây con (tháng 12; 1) các cây như ngưu tất.

+ Bệnh thối gốc do nấm gây hại phát sinh vào những lúc mưa nắng thất thường (địa hoàng).

+ Bệnh nấm hạch xuất hiện vào tháng 2; 3 (ích mẫu).

+ Bệnh phấn trắng gây hại vào tháng 5 (xuyên khung).

Sâu hại cũng có nhiều loại:

+ Trong thời kỳ cây mới mọc, hay bị sâu xám phá hại, trên các cây như: bạch chỉ, địa hoàng, bạch truật, hoài sơn, đan sâm...

+ Khi cây trưởng thành hay bị các loại sâu như: sâu khoang, sâu đo, sâu xanh, bọ nhảy, rệp chích hút phá hoại các cây: sâm bồ chính, ngưu tất, bạc hà...

Do sâu bệnh hại cây thuốc phức tạp, nên biện pháp phòng trừ tổng hợp là có hiệu quả nhất, đó là:

+ Biện pháp canh tác: Làm đất kỹ, vệ sinh đồng ruộng, xử lý đất trước khi trồng để tiêu diệt mầm mống gây bệnh hại ở trong đất.

+ Biện pháp nhiệt hóa học để xử lý hạt giống, mầm giống trước khi gieo trồng.

+ Biện pháp ủ phân hoại mục dùng bón lót cho cây được liệu có tác dụng tiêu diệt bớt các mầm sâu bệnh trong phân chuồng.

Biện pháp phòng trừ sâu bệnh cho cây đã trồng không chỉ giữ ổn định năng suất mà còn ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sản phẩm, có thể dùng thiên địch, biện pháp phòng trừ tổng hợp, biện pháp sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học và cuối cùng mới dùng thuốc hóa học trong danh mục được phép sử dụng (Cần chú ý dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng thời vụ).

5. Thu hoạch

Thu hái cây thuốc là một khâu có tầm quan trọng nhất trong quá trình trồng cây để đạt được khối lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Thu hoạch đúng thời vụ là quan trọng nhất quyết định hàm lượng hoạt chất trong cây và năng suất cây trồng. Kỹ thuật thu hái của từng cây lệ thuộc vào những yếu tố sau:

Các đặc điểm của bộ phận dùng:

+ *Với cây lấy củ, rễ*: Cây thân thảo thường thu hoạch vào lúc cây bắt đầu vàng úa, cần cắt bỏ thân, lá để chừa lại 10 cm ở phần gốc để nhỏ cho dễ. Dùng cuốc, thuổng đào bới xung quanh để lấy củ, tránh làm xây xát và gãy

củ. Rửa sạch đất cát, cắt bỏ rễ con. Với cây lâu năm khi thu hái rễ cần chú ý sao cho không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của các bộ phận trên mặt đất.

+ *Với cây lấy thân*: Có ít trường hợp chỉ thu hoạch thân. Thường người ta thu bóc vỏ thân hoặc vỏ rễ, thu hái vào lúc cây ra nhựa cho dễ bóc. Với những cây đến tuổi già thì đốn cả cây, đào cả rễ sau này trồng lại (canhkina, quế). Trường hợp không chặt cả cây thì bóc lấy một phần vỏ, còn để lại một phần vỏ trên cây để cây tiếp tục sinh trưởng cho thu hoạch vụ sau. Có khi dựa vào khả năng tái sinh của cây, để chừa lại đoạn gốc vài centimet, để cây tiếp tục nảy chồi tái sinh cây mới.

+ *Với cây thu hoạch các bộ phận trên mặt đất*:

Thu hái vào lúc ra hoa: Có dược liệu là nụ hoa (hòe), là hoa đã nở (cúc hoa). Với cây lâu năm có thể dùng gậy có móc để bẻ từng bông hoa, chùm hoa hoặc đoạn cành nhỏ mang hoa. Sau khi phơi sấy khô cần rây qua sàng để thu hoạch hoa, nụ hoa...

- Thu hái quả, hạt: Thu hoạch lúc quả chín (gấc, ý dĩ, hòe...) là thời kỳ có nhiều hoạt chất, không nên dùng gậy đập hoặc rung cây cho quả rụng mà cần phải dùng thúng, bắc thang thu hái. Với loại dược liệu có quả và hạt nhỏ thường thu hái khi quả gần

chín, không nên để quả chín quá hạt bị rụng, rơi ra ngoài. Có thể thu hái cả cây, bó thành bó, phơi khô đập lấy hạt. Có loài cây cho thu 2 vụ quả hạt trong năm (hồi).

+ Với một số loài cây cỏ sống hằng năm như: bạc hà, ích mẫu, tinh dầu giun có thể thu hái 1 năm 2 - 3 lứa vào thời gian:

- Khi cây ra nụ: ích mẫu.
- Khi cây ra hoa: bạc hà, tinh dầu giun.
- Trong ngày với những cây tinh dầu nên thu hoạch từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều, đó là thời gian cây tích lũy nhiều tinh dầu.

Tuy nhiên thu hái cây thuốc cần xác định đúng thời kỳ thu hoạch:

+ Với cây lấy củ: Thường khi cây bắt đầu vàng úa, lá gốc đã già, lúc này hoạt chất tập trung ở củ. Ví dụ: bạch chỉ, đương quy thường thu hoạch vào tháng 6, ngưi tât vào tháng 2 - 3 (vùng đồng bằng). Song ở miền núi cao hầu hết các cây lấy củ thường thu vào tháng 11; 12.

+ Với cây lấy lá người ta thường thu hái vào lúc cây ra nụ: ích mẫu có nụ hoa (ích mẫu nhung), có tác dụng tốt hơn ích mẫu lấy vào lúc hoa tàn. Với cây lấy tinh dầu thường người ta thu hoạch vào thời kỳ hoa nở rộ, là lúc hàm lượng tinh dầu cao nhất (hương nhu, bạc hà).

Nên chọn thời tiết khô để thu hoạch. Chọn những ngày nắng ráo, thu hoạch sẽ chủ động được việc phơi sấy, chế biến. Thu hoạch cây lấy củ chú ý tránh bị xây xát, hoặc đứt rễ. Thu hoạch cây lấy lá phải cắt gọn, phơi phải trải mỏng, không được xếp đống hay để ở buồng kín, lá sẽ bị hấp nóng, thối nhũn. Thu hoạch dược liệu ở cây lấy vỏ như: quế, hậu phát... thì phải dùng lát thắt ngang cây hay ngang cành, làm cỡ chiều dài và dùng dao nhọn rạch thành phen cho đều, phơi sấy và uốn thành từng thanh, không bóc tùy tiện làm giảm giá trị dược liệu.

PHẦN II

MỘT SỐ CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC CÓ NHIỀU Ở VÙNG ĐÔI NÚI

I. CÚC NÚT ÁO

Tên khác: Cúc áo rau, nút áo rau, nụ áo gân tím. Tên theo người dân tộc Pako là Sắc ta rum.

Tên khoa học: *Spilanthes oleracea* L. – Asteraceae

- **Đặc điểm thực vật**

Cây có thân nằm trên đất, rồi đứng cao khoảng từ 20-50 cm, thân có màu tím. Lá có phiến xoan tam giác, mép nguyên hay có răng, gân gốc 3, gân phụ 5 cặp, cuống lá 1 - 1,5 cm. Hoa đầu đơn độc ở ngọn nhánh, thường ở nơi chẻ hai của nhánh, hình nón màu vàng, cuống tương đối ngắn 1,5 - 2 cm. Quả bế màu đen có 1 răng cao.

- **Phân bố và sinh thái**

Loài được tìm thấy ở vùng nhiệt đới Nam Mỹ, được trồng ở Ấn Độ và các nước châu Phi làm rau ăn. Ở

Việt Nam cây mọc nhiều nơi, gặp nhiều ở vùng núi, bên bờ ruộng nương rẫy. Có ở Quảng Trị, Huế.



Hình ảnh cây cúc nút áo

- ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của đồng bào Pako, dược liệu được dùng chữa viêm gan, phối hợp trong các bài thuốc chữa bệnh gan. Liều dùng 6-8 g toàn cây khô/ngày. Ngoài ra còn dùng chữa đau răng bằng cách dùng dược liệu tươi, rửa sạch, nhai, ngậm.

- Ngoài ra cây thuốc còn được biết đến với tác dụng chống bệnh scorbut, trị bệnh liệt lưỡi, đau cổ họng, đau đầu, trị chứng nói lắp ở trẻ em.

II. CÂY MÁN ĐÌA

Tên khác: Giác, khét

Tên khoa học: *Archidendron clypearia* (Jack) I. Nilsen

– Fabaceae

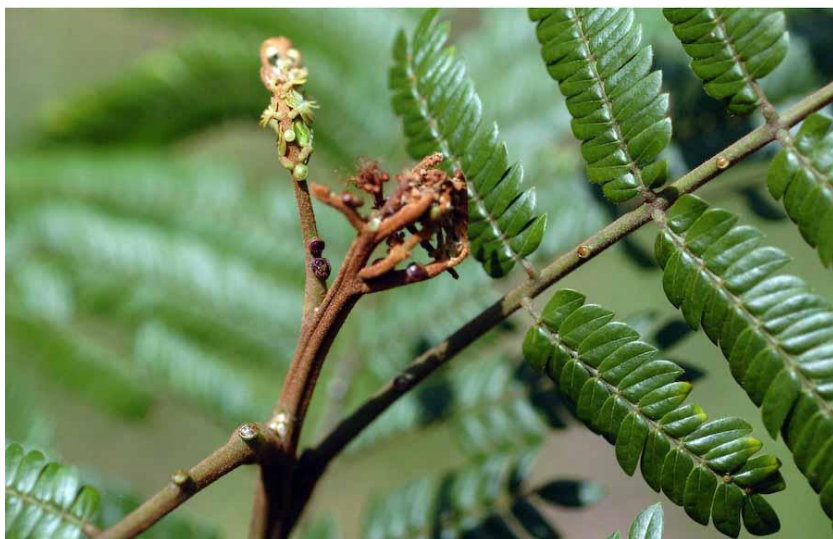
• **Đặc điểm thực vật**

Cây nhỡ hay cây gỗ cao tới 10 - 20 m, nhánh ngang, có cạnh. Lá kép mang 4 - 5 cặp cuống bậc hai, mỗi cuống bậc hai mang 3 - 8 đôi lá chét hình bình hành, hình trái xoan hay hình ngọn giáo ngược, gốc hình nêm không cân đối, đầu nhọn và thường có mũi, hơi có lông mịn ở hai mặt hoặc có lông tơ ở mặt dưới.

Cụm hoa là chùm tán hay chùy ở ngọn, phân nhánh đến 3 lần, có lông, các cuống mang tán hay ngù gồm khoảng 10 hoa có cuống 1 - 3 mm. Đài hình chén hay hình phễu, tràng hình phễu hay hình chuông, ống nhị bằng ống tràng, bầu có lông mịn hay lông tơ.

Quả cỡ 20×1 cm, dẹp, xoắn theo hình tròn ốc, màu cam vàng ở mặt ngoài, đỏ nhạt ở mặt trong, có lông mềm hay lông tơ. Hạt hình bầu dục hay hình cầu có vỏ màu đen lam. Ra hoa vào tháng 3 - 4, có quả chín tháng

6 - 8. Tái sinh hạt tốt.



Hình ảnh cây mán đĩa

● ***Phân bố và sinh thái***

Mán đĩa phân bố tại Ấn Độ, Nam Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Campuchia và Iran. Ở Việt Nam, cây mọc rải rác ở các tỉnh phía Bắc, các tỉnh miền Trung (Quảng Trị, Huế) cho tới các tỉnh Nam Bộ như Đồng Nai, Cà Mau, An Giang.

Thường thấy trong các rừng đầm lầy, rừng thường xanh trên đất sét, rừng thưa cây họ Dầu và các rừng hỗn giao rụng lá. Cây ưa sáng, mọc nhanh, ưa đất chua, ưa ẩm, nảy chồi mạnh. Tái sinh hạt khỏe dưới tán rừng có độ tàn che thấp.

- ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của đồng bào Pako, dược liệu có tác dụng chữa các bệnh về gan như viêm gan, xơ gan, vàng da, hoa mắt, mặt đỏ phừng mặt, đau đầu. Có thể dùng riêng rẽ hoặc phối hợp với các thuốc khác chữa bệnh về gan. Liều dùng 10 g cành mang lá khô/ngày.

- Theo các tài liệu khác, mán đĩa có tác dụng kháng nấm, vỏ cây chứa tanin có thể dùng thuộc da. Lá dùng làm thuốc nhuộm đen, có thể dùng nấu nước tắm trị ghẻ.

- Mán đĩa được sử dụng là cây thuốc dân tộc cổ truyền ở nhiều nước khác như: Ở Ấn Độ và Malaysia, lá được dùng trị đau chân, sưng tấy, thủy đậu, ho và đậu mùa. Vỏ cây có thể dùng nhuộm lưới và nấu nước gội đầu. Còn ở Trung Quốc, lá cũng được dùng trị bỏng lửa, bỏng nước và các loại vết thương, ghẻ lở...

- Dịch chiết methanol của mán đĩa thể hiện tính kháng viêm mạnh trên chuột đại thực bào dòng RAW264.7 do dịch chiết có tác dụng phong bế yếu tố nhân hoạt hóa (NF)-KB [125] hoặc ức chế protein 1.

III. CÂY SÀNG

Tên khác: Săng lá kiếm, sang sé, trôm thon

Tên khoa học: *Sterculia lanceolata* Cay. - Sterculiaceae

- **Đặc điểm thực vật**

Cây gỗ nhỏ cao 3 - 10 m, nhánh non mảnh, có lông. Lá đơn, nguyên, phiến lá hình ngọn giáo hay thuôn, có lông hình sao ở mặt dưới, gân bên 5 - 7 đôi, lá kèm nhọn. Chùm hoa mảnh, ở nách lá, có lông mềm hình sao, nhánh hoa rất nhỏ mang 1 - 5 hoa, lá bắc hình dải, ngắn và dễ rụng, đài hình chuông, cao 5 - 7 mm, hoa đực có cuống bộ nhị không lông, bao phấn xếp hai dãy, hoa cái có bầu nhiều lông, hình cầu. Quả đại đỏ, có lông, dài 5 - 8 cm, hạt 4 - 7, đen, to 9×12 mm. Ra hoa tháng 4 - 7, có quả tháng 8 - 10.

- **Phân bố và sinh thái**

Cây mọc phổ biến trong các rừng thứ sinh từ Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Huế cho tới Ninh Thuận. Thu hái cành mang lá, vỏ quanh năm, dùng tươi hay phơi khô.

- **Tác dụng, công dụng**

- Theo kinh nghiệm của người Pako, dược liệu được sử dụng để chống viêm, chữa mụn nhọt sưng

tấy, lở loét, giải độc khi uống rượu say. Bộ phận dùng là cành mang lá, dùng 7 - 8 g dược liệu khô/ngày, dạng thuốc sắc.

- Theo các tài liệu, vỏ cây được dùng chữa sưng tấy, mụn nhọt. Lá trị sưng đau do bị ngã. Hạt ăn được và có tác dụng xổ nhẹ. Ở Quảng Tây (Trung Quốc), vỏ thân được dùng trị bạch đới. Ở Vân Nam (Trung Quốc), hạt được dùng làm thuốc thanh phế nhiệt.



Hình ảnh cây sảng

IV. CÂY DÂY HƯƠNG

Tên khác: Dây bò khai, rau nghiền

Tên khoa học: *Erythrophalum scandens* Blume - Olacaceae

• **Đặc điểm thực vật**

Dây hương là loài dây leo bằng tua cuốn, có cành mềm thòng xuống, vỏ xanh. Lá mọc so le, hình trứng rộng, đầu nhọn, gốc tròn hay hình tim, dài 10 - 15 cm, rộng 5 - 7 cm, có 3 gân gốc, 3 - 5 đôi gân bên, mặt dưới mốc, cuống lá dài 5 - 10 cm, phù ở hai đầu và hơi dính vào phía trong phiến lá, tua cuốn ở nách lá dài 15 - 20 cm thường chẻ hai. Cụm hoa xim hai ngã, có cuống chung dài 10 - 15 cm. Hoa nhỏ, đơn tính. Quả mọng, hình trái xoan dài 10 - 15 mm, màu vàng hay đỏ, chứa một hạt lớn. Hoa quả tháng 4 - 6.

• **Phân bố và sinh thái**

Loài phân bố ở Trung Quốc và Việt Nam. Cây mọc hoang ở ven rừng phục hồi, rừng ẩm từ Thái Nguyên, Lạng Sơn cho tới Gia Lai, Đắk Lắk. Thu hái lá non và lá bánh tẻ vào mùa xuân - hè.

• **Tác dụng, công dụng**

- Theo kinh nghiệm của người dân tộc Pako, dây hương được dùng để chữa viêm gan, đầy bụng khó

tiêu, vàng mắt. Liều dùng 5 - 8 g dược liệu khô (thân và lá)/ngày. Có thể phối hợp với các vị thuốc chữa viêm gan, vàng da.

- Theo các tài liệu, cây thuốc thường dùng chữa phù thận, đái vàng, đái rắt. Có khi dùng phối hợp với lá bông bong, dùng toàn cây sắc lấy nước uống chữa viêm gan siêu vi trùng. Cây còn được dùng chữa viêm gan, viêm ruột, viêm niệu đạo, viêm thận cấp tính.



Hình ảnh cây dây hương

V. CÂY TAM TÀNG

Tên khác: Lá bánh giầy, bộp lông, nô

Tên khoa học: *Actinodaphne pilosa* (Lam.) Merr.

– Lauraceae

- **Đặc điểm thực vật**

Cây nhỏ cao tới 4 m, nhánh non phủ lông dày, nâu nâu. Lá mọc so le, nhọn mũi ở đầu, phủ lông đỏ nâu khi non, nhẵn, bóng ở mặt trên và có lông nâu nâu ở mặt dưới, gân phụ 6 - 10 cặp, lồi ở dưới. Hoa trắng, thành tán xếp thành chùm ở nách lá. Quả mọng nhẵn, hình cầu, to bằng hạt tiêu, khi chín có màu đen. Hoa tháng 2 - 3, quả tháng 8 - 9.



Hình ảnh cây tam tàng

- ***Phân bố và sinh thái***

Loài được tìm thấy ở Việt Nam, Nam Trung Quốc, Lào. Thường gặp trong rừng thứ sinh ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, nhiều nhất ở Quảng Ninh, Bắc Ninh, Phú Thọ cho tới Gia Lai và Lâm Đồng, ở độ cao dưới 500m. Cây có ở Quảng Trị, Huế. Cây ưa sáng, trưởng thành nhanh, chịu được điều kiện khô hạn của vùng đồi trọc. Khả năng tái sinh hạt mạnh.

- ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của người dân tộc Pako, cành và lá cây tam tầng có tác dụng chống viêm, giải độc trong máu chữa các bệnh như ngộ độc, trúng độc, đau bụng, ăn khó tiêu, chân tay đau mỏi.

- Dân gian còn dùng chữa sỏi, ly và tê thấp. Ở Vân Nam (Trung Quốc) vỏ và lá dùng trị đòn ngã tổn thương và ghẻ lở sưng đau.

VI. CÂY NGÁN NHÃN

Tên khác: Ngõa khi, ngái khi

Tên khoa học: *Ficus hirta* Vahl – Moraceae

- ***Đặc điểm thực vật***

Cây nhỏ 1 - 2 m, có nhánh chỉ hơi to, có lông cứng. Lá hình xoan ngược, thon hẹp và tròn ở gốc, có đuôi

ngắn ở đầu, dài 8 - 15 cm, rộng 4 - 8 cm, mỏng, có lông mềm với lông dạng củ hay hơi nhẵn ở trên, có lông dài hoặc chỉ có ít ở dưới trên các gân, mép có răng cưa, có khi chia 3 thùy sâu, cuống dài 1 - 4 cm. Quả sung dạng cầu, đường kính 1 cm, không cuống.



Hình ảnh cây ngái nhãn

● ***Phân bố và sinh thái***

Loài phân bố ở Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, Việt Nam, Lào và Campuchia. Ở nước ta, cây mọc ở rừng thứ sinh và ở các trảng ẩm, lầy, có ở Quảng Trị, Huế. Ra hoa quả quanh năm, chủ yếu từ tháng 12 đến tháng 2.

- **Tác dụng, công dụng**

- Theo kinh nghiệm của người dân tộc Pako, ngái nhẵn được dùng để điều trị xơ gan, gan đau nhức, bệnh sỏi đường, giúp giảm đau đầu, ăn ngon, ngủ ngon. Liều dùng 6 - 8 g cành mang lá khô/ngày.

- Theo các tài liệu, dược liệu có tác dụng hạ đường huyết, kháng viêm, trị tiêu chảy, bệnh phong, bệnh sỏi. Ngoài ra quả và hạt có tác dụng gây nôn và nhuận tẩy. Nhựa cây chảy từ rễ dùng uống nhuận tràng. Quả cũng dùng ăn được. Ở Trung Quốc, cây được dùng trị trẻ em cam tích, phong thấp đau xương, bế kinh, sản hậu ứ huyết, đau bụng, viêm tinh hoàn, đòn ngã tổn thương.

VII. CÂY LÀI TRÂU

Tên khác: Ót làn lá nhỏ, tên theo người Vân Kiều: Tà tiều

Tên khoa học: *Tabernaemontana bovina* Lour.

– Apocynaceae

- **Đặc điểm thực vật**

Cây nhỏ, cao 2 - 4 m, nhánh non yếu, hơi dẹp. Lá thường xanh, mọc đối, hình bầu dục, đầu thuôn thành mũi nhọn, hai mặt nhẵn, mặt trên sẫm bóng, mặt dưới rất nhạt, dài 7 - 15 cm, rộng 3 - 6 cm, gốc từ từ hẹp trên

cuống, gân phụ 12 - 18 cặp, cuống lá cỡ 5 mm, nhựa màu trắng sữa. Hoa trắng mọc thành xim ở kẽ lá, đài hoa ngắn, tràng hoa có ống dài, hẹp ngang. Quả dài cong như quả ớt chỉ thiên, có mỏ hẹp nhọn, thường dính từng đôi một, khi chín màu vàng, hạt có vỏ ngoài màu đỏ. Toàn cây có nhựa mủ.



Hình ảnh cây lài trâu

- ***Phân bố và sinh thái***

Loài được tìm thấy ở Nam Trung Quốc và Việt Nam. Ở nước ta, cây mọc ở vùng rừng núi, từ Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Nội, tới Huế và Quảng Ngãi. Có thể thu hái rễ, lá quanh năm, rửa sạch, thái nhỏ, thường dùng tươi. Mùa hoa tháng 5 - 6, mùa quả tháng 7 - 8.

- ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của người Vân Kiều, rễ được liệu có tác dụng giải độc, dùng cho trường hợp máu xấu, viêm gan siêu vi trùng. Ngoài ra còn dùng chữa hắc lao, ghẻ lở. Liều dùng 10 g rễ khô/ngày.

- Theo các tài liệu dược liệu có tác dụng kháng khuẩn. Rễ dùng trị đau bụng, hàu họng sưng đau, phong thấp tê đau và hen phế quản. Cũng có thể dùng trị rần cắn và rút gai dằm.

VIII. CÂY DỄ

Tên khác: Hoa dễ thơm, nổi côì, chập chại, tên theo người Vân Kiều: cội

Tên khoa học: *Desmos chinensis* Lour. – Annonaceae

- ***Đặc điểm thực vật***

Cây nhỡ mọc trườn, cao 1 - 3 m, nhánh non có lông nâu. Lá có phiến bầu dục tròn dài, mọc ở mặt dưới, gốc tròn hay hình tim. Hoa thường đối diện với lá, cánh hoa 6, màu lục vàng, dài tới 8 cm, rộng 1 - 2 cm, nhị cao 1,5 cm, lá noãn nhiều. Quả mọng không lông, hình chuỗi 1 - 4 hạt.



Hình ảnh cây dẻ

- ***Phân bố và sinh thái***

Loài phân bố ở Ấn Độ, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippin. Ở nước ta cây mọc ven rừng, bụi, cao độ thấp, từ Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng

Ninh, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội, Phú Thọ, Ninh Bình, Thanh Hóa, các tỉnh miền Trung tới Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Đồng Nai. Cây ra hoa vào tháng 6. Thu hái rễ và lá quanh năm, dùng tươi hay phơi khô.

- ***Tác dụng, công dụng***

- Dược liệu được dùng cho bệnh máu xấu, viêm gan, gan to, viêm thận, phù thũng bệnh đường máu, hay chảy máu. Liều dùng: 6 - 9 g cành mang lá khô/ngày.

- Theo tài liệu, dược liệu có tác dụng kháng nấm, kháng khuẩn, điều trị tiêu chảy, sốt rét. Dùng nước sắc của hoa cho phụ nữ uống chữa đẻ khó. Ở Trung Quốc, người ta dùng rễ và lá trị đau dạ dày, tiêu hóa kém, trướng bụng và ỉa chảy, đau bụng trước khi sinh và xuất huyết, thống kinh, thấp khớp đau nhức xương, viêm thận, phù thũng. Dùng ngoài trị đòn ngã tổn thương. Dùng lá tươi giã nát thêm rượu và đắp vào chỗ đau.

IX. CÂY SÂM BÒNG BONG

Tên khác: Sâm rừng, quân trọng, tên theo người Vân Kiều: Ê kin

Tên khoa học: *Helminthostachys zeylanica* (L.) Hook.
– Ophiolossaceae



Hình ảnh cây sâm bông bong

• ***Đặc điểm thực vật***

Cây thảo, cao 20 - 30 cm. Thân rễ nằm ngang có nhiều rễ phụ mập nom như con rết. Lá có cuống dài, màu lục hoặc nâu tím nhạt, phiến không sinh sản dài 12 - 15 cm, rộng 8 - 12 cm, chẻ thành nhiều thùy hình mác, đầu tù hoặc nhọn, có dạng bàn tay, hơi giống lá bông bong, mép nguyên hoặc hơi khía răng, lượn sóng, phần sinh sản mọc ở gốc phần không sinh sản thành

bông dài 5 - 10 cm, có cuống dài bằng bông. Túi bào tử xếp dày đặc quanh trục bông, bào tử hình tròn, không màu hoặc màu vàng nhạt.

- *Phân bố và sinh thái*

Cây mọc hoang rải rác ở các tỉnh miền núi phía Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lào Cai, Phú Thọ, Hà Tĩnh, các tỉnh miền Trung và vùng Tây Nguyên (Quảng Trị đến Quảng Ngãi). Thường gặp trên đất nương rẫy mới bỏ hoang hoặc trong các đám cỏ thấp ở chân đồi.

- *Tác dụng, công dụng*

- Dược liệu theo kinh nghiệm người Vân Kiều dùng cho bệnh viêm gan mắt đỏ, chữa đau lưng, đau xương khớp. Dùng tốt cho phụ nữ sau khi sinh. Liều dùng 10 g rễ khô/ngày. Phối hợp với các vị thuốc chữa bệnh gan hoặc thuốc bổ.

- Theo tài liệu, dân tộc Mông và Dao đỏ dùng thân rễ sâm bong bong tươi, thái nhỏ, hầm với gà để ăn làm thuốc bồi dưỡng cơ thể chữa suy nhược, gầy yếu, nhất là cho phụ nữ mới đẻ. Người Tày và Mường lại lấy thân rễ sâm bong bong phơi khô 100 - 150 g, thái mỏng, ngâm với một lít rượu 35 - 40° trong 15 - 20

ngày, càng lâu càng tốt. Ngày uống 2 lần mỗi lần 30 ml để chữa đau lưng, nhức mỏi gân xương. Thân rễ sâm bong bong già nát, đắp chữa rắn, rết cắn và các loại côn trùng đốt. Ở Malaysia, người ta dùng ăn với trà không để giảm ho. Ở Ấn Độ, người ta dùng trị bệnh đau dây thần kinh tọa.

X. CÂY GỪNG GIÓ

Tên khác: Ngải xanh, phong không, tên theo người Vân Kiều: A pế

Tên khoa học: *Zingiber zerumbet* - Zingiberaceae.

• Đặc điểm thực vật

Cây cao từ 1 đến 1,3 m. Thân rễ dạng củ phân nhiều nhánh, lúc non màu vàng, thơm ngọt dễ chịu, sau chuyển màu trắng và đắng. Lá mọc so le, không cuống, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông rải rác, mép lá uốn lượn. Cụm hoa hình trứng mọc thẳng từ thân rễ, thường có màu lục, khi già màu hồng đỏ. Quả nang hình bầu dục, hạt màu đen, có áo hạt mềm, màu trắng.

• Phân bố và sinh thái

Ở nước ta, cây mọc hoang ở khắp nơi trong rừng, nơi đất ẩm ướt, mát ở bìa rừng hay dọc theo ven suối

nơi đất núi rậm rạp. Loài tìm thấy ở Quảng Trị, Huế. Mùa hoa và quả vào tháng 5 - 6. Ngoài ra, loài còn được tìm thấy ở Ấn Độ, Indonesia, Malaysia.



Hình ảnh cây gừng gió

• ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của người dân tộc Vân Kiều, dược liệu là thân rễ, có tác dụng điều trị xơ gan cổ trướng, bồi dưỡng cho phụ nữ sau sinh, kích thích tiêu hóa, ăn ngon, ngủ tốt. Liều dùng 8 - 15 g thân rễ

khô/ngày. Lá còn được dùng để xông chữa đau nhức toàn thân.

- Đông y cho rằng gừng gió có vị đắng, cay, tính ấm với công năng tán phong hàn, giảm đau, trị ứ huyết nên trị được chứng trúng gió, chóng mặt, nôn nao, ngất xỉu, đặc biệt có khả năng tẩy độc khiến da dễ trở nên hồng hào, người khỏe mạnh.

XI. CÂY CỐC ĐÁ

Tên khác: Cóc chua, xuyên mọc dững

Tên khoa học: *Dacryodes dungii* Dai & Yakovf.

– Anacardiaceae

• Đặc điểm thực vật

Cây cao 20 - 25 m, đường kính thân cây 70 - 90 cm, vỏ cây có màu hơi vàng. Lá mọc so le, không có lá kèm, cuống lá dài đến 7,5 cm. Phiến lá hình mũi mác hoặc hình trứng. Cụm hoa dạng bông, dài đến 40 cm. Hoa đơn tính, 3 cánh hoa, cuống dài khoảng 5 mm. Bông hoa thường được bao quanh bởi cụm 3 lá bắc. Đôi khi lá dài tiêu giảm. Quả hạch hình trứng dài 4 - 15 cm, rộng 3 - 6 cm, khi chín có màu hồng nhạt chuyển sang màu xanh đậm.



Hình ảnh cây cóc đá

- ***Phân bố và sinh thái***

Cây được tìm thấy ở Huế (A Lưới, Bạch Mã), Quảng Trị (Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông).

- ***Công dụng***

Theo kinh nghiệm đồng bào Vân Kiều, dược liệu là cành mang lá, được sử dụng để chữa viêm gan, ăn uống khó tiêu, đau răng, bí tiểu. Có thể dùng phối hợp để chữa các bệnh về gan mật. Liều dùng 10 g dược liệu khô/ngày.

XII. CÂY CỐT KHÍ CỦ

Tên khác: Củ điền thất

Tên khoa học: *Polygonum cuspidatum* Sieh. Znce

– Polygonaceae

- **Đặc điểm thực vật**

Cây thảo sống nhiều năm, cao 1 - 1,5 m. Rễ phình thành củ cứng màu vàng nâu. Thân có những đốm màu tím hồng. Lá mọc so le, có bẹ chia ngắn. Phiến lá hình trứng rộng, mặt trên xanh thẫm, mặt dưới màu nhạt hơn. Hoa nhỏ, màu trắng, mọc thành chùm ở nách lá. Hoa đực 8 nhị, hoa cái bầu 3 góc. Quả khô có 3 cạnh màu nâu đỏ.



Hình ảnh cây cốt khí củ

- ***Phân bố và sinh thái***

Ở nước ta, cây mọc hoang ở vùng đồi núi và thường được trồng ở nhiều nơi để lấy củ làm thuốc. Cây có thể thu hái quanh năm, đối với rễ củ thu hái tốt nhất là vào mùa thu đông, rửa sạch, thái phiến, dùng tươi hay phơi khô trong râm. Cây ra hoa tháng 6 - 7, quả tháng 9 - 10.

- ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của người Vân Kiều, dược liệu là toàn cây được dùng để chữa viêm gan, vàng da, sốt, đau nhức tay chân, khó thở. Liều dùng 10 - 15 g dược liệu khô/ngày.

- Theo các tài liệu, cốt khí củ có tác dụng nhuận tẩy, hạ đường huyết, cholesterol, kháng khuẩn, chữa viêm gan, viêm phế quản mạn tính. Dùng ngoài trị bỏng.

XIII. CÂY CHÂN DANH

Tên khoa học: *Eunoymus javanicus* Blume - Celastraceae

- ***Đặc điểm thực vật***

Cây gỗ cao 12 m, thân to 30 cm, nhánh tròn, lông dài, không lông. Cành con có 4 cạnh, màu đỏ tía, cành già tròn màu xám, có vỏ sần sùi. Lá mọc đối, có phiến bầu dục thon, mỏng, không lông, dài 7 - 18 cm, rộng

3 - 5,5 cm, gốc thuôn, đầu nhọn, mép nguyên hoặc có ít răng ở phía đầu lá, mặt trên màu lục, mặt dưới màu đỏ nâu nhạt. Gân phụ 6 - 7 cặp. Cụm hoa mọc ở kẽ lá thành xim, có cuống dài, hoa 1-3 cái màu hồng gồm 5 lá đài, 5 cánh hoa, 5 nhị, bầu có 4 ô. Quả hạch, hình cầu dạng trứng ngược, có những đường sống dọc, khi chín màu vàng, hạt có áo.



Hình ảnh cây chân danh

● ***Phân bố và sinh thái***

Loài được tìm thấy ở Ấn Độ, Mianma, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippin và Việt Nam. Ở nước ta, cây mọc ở Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi cho tới An Giang. Cây ra hoa, kết quả vào khoảng tháng 5 - 6.

- **Tác dụng, công dụng**

- Theo kinh nghiệm của người dân tộc Vân Kiều, dược liệu có tác dụng chữa xơ gan, viêm gan, bệnh máu kém, nhiễm độc đường máu, chảy máu. Có thể dùng toàn cây, nhưng lá hay được dùng hơn, liều 8 - 15 g dược liệu khô/ngày.

- Theo tài liệu, dược liệu có tác dụng kháng khuẩn, kháng nấm, có tác dụng bổ gan thận, mạnh gân xương, dưỡng huyết, an thai, chữa đau lưng, chân tay nhức mỏi, phong thấp, tê phù, tăng huyết áp, liệt dương, sốt rét. Giúp ăn khỏe ngủ ngon.

XIV. CÂY CỐC KÈN SÉT

Tên khác: Dây cóc kèn gỉ sắt

Tên khoa học: *Derris ferruginea* (Roxb.) Benth. -Fabaceae

- **Đặc điểm thực vật**

Cóc kèn sét là dây leo trườn dài 3 - 5 m, nhánh không lông, vỏ trắng. Lá to với 5 - 9 lá chét hình bầu dục, có mũi, dài 6 - 13 cm, rộng 2 - 5 cm, cứng, màu xanh tươi bóng, gân phụ 5 cặp, cuống phụ 5 - 7 mm. Chùy hoa cao 25 - 40 cm, có lông sét, hoa nhỏ, hồng hồng hay trắng, dài 3 mm, có 5 răng, có lông sét, cánh

cờ cao 7 - 9 mm. Quả dẹp dài 5 - 8 cm, rộng 2,5 cm, mỏng màu sét hay cam, cánh 3 - 5 mm. Hạt hình thận dài 1,8 - 2,5 cm, nâu tươi hay nâu đỏ.



Hình ảnh cây cóc kèn sét

● ***Phân bố và sinh thái***

Loài phân bố ở Ấn Độ, Nam Trung Quốc và Việt Nam. Ở nước ta, cây thường mọc một số nơi thuộc vùng đồi núi các tỉnh Quảng Trị, Huế, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai.

- **Tác dụng, công dụng**

- Theo kinh nghiệm người dân tộc Vân Kiều, dược liệu có tác dụng chống viêm, khối u do ngã tụ máu, sưng đau. Dùng phối hợp chữa các bệnh mạch máu, đường máu. Bộ phận dùng là toàn cây, liều dùng khoảng 15 g dược liệu khô/ngày. Có thể dùng ngoài (dược liệu tươi) giã đắp làm tan máu bầm.

- Theo các tài liệu, dược liệu có tác dụng kháng khuẩn, kháng nấm, có khả năng ức chế sự phát triển của ký sinh trùng sốt rét. Ở Trung Quốc, Ấn Độ, rễ được dùng làm thuốc sát trùng.

XV. CÂY DÂY XANH

Tên khác: Mộc phòng kỷ

Tên khoa học: *Cocculus orbiculatus* L.-Menispermaceae

- **Đặc điểm thực vật**

Dây leo gỗ mọc quần, dài tới 3 m. Lá mọc so le, dài 3 - 6 cm, rộng 1 - 3 cm, có lông, nhất là ở mặt dưới, gân góc 3 - 5. Hoa nhỏ màu vàng trắng mọc thành chùm ở nách lá. Quả hạch, đen lam, to 5 - 6 mm. Cây ra hoa tháng 5 - 6.



Hình ảnh cây dây xanh

- ***Phân bố và sinh thái***

Cây có nguồn gốc từ vùng lục địa châu Á, phân bố ở Nam Trung Quốc, Nhật Bản. Chưa tìm thấy tài liệu về sự phân bố của loài này ở nước ta tuy nhiên cây đã được tìm thấy ở Quảng Trị (Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông).

- ***Tác dụng, công dụng***

- Theo kinh nghiệm của người dân tộc Vân Kiều, dược liệu có tác dụng hạ huyết áp, chữa viêm họng, họng sưng đau, trị mụn nhọt, côn trùng cắn. Liều dùng 15 g dược liệu là toàn cây khô/ngày.

- Theo tài liệu, dược liệu có tác dụng gây độc tế bào, kháng viêm, kháng khuẩn. Rễ được dùng trị thấp khớp, đau xương, đau dạ dày, đau bụng, đau bụng kinh, đau họng, viêm thận phù thũng, bệnh đường tiết niệu.

XVI. CÂY HỒNG BÌ DẠI

Tên khác: Châm châu, dâm bôi, mắc mật, giòi

Tên khoa học: *Clausena excavata* Burm. -Rutaceae

• Đặc điểm thực vật

Cây nhỡ hay cây gỗ nhỏ cao 1 - 5 m, bao giờ cũng xanh, có ít nhiều lông, không có gai. Lá kép lông chim, mọc so le, mùi hôi nhẹ, mang 15 - 21 lá chét không cân, mặt trên bóng, mặt dưới dày lông, chùy hoa ở ngọn, nụ tròn, hoa màu hồng nhạt, cao khoảng 24 mm, có 4 lá đài, 4 cánh hoa, 8 nhị, bầu hình trụ có lông. Quả mọng hình trứng kéo dài, màu cam hay đỏ, không lông, chứa 1 - 2 hạt.

• Phân bố và sinh thái

Cây mọc hoang ở vùng núi, trên các đồi cây bụi, nương rẫy cũ từ các tỉnh phía Bắc cho tới các tỉnh Tây Nguyên. Cũng thường được trồng trong các vườn gia đình miền núi. Lá và vỏ cây thu hái quanh năm. Cây ra hoa tháng 4 - 6, quả tháng 7 - 9. Hạt lấy ở những quả già, dùng tươi hay phơi khô.



Hình ảnh cây hồng bì đại

- ***Tác dụng, công dụng***

- Dược liệu được dùng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Vân Kiều chữa ho, viêm họng, viêm xương khớp, bong gân, phối hợp trong các bài thuốc chữa viêm gan. Bộ phận dùng là toàn cây, liều khoảng 10 dược liệu khô/ngày.

- Theo tài liệu, dược liệu có tác dụng kháng nấm, kháng khuẩn, kháng viêm, chữa bệnh sốt rét, ức chế ngưng tập tiểu cầu, khản cổ, sưng khớp, bong gân. Ở

Java, người ta dùng dịch lá trị ho và trừ giun. Ở Campuchia, còn dùng lá trừ giun cho gia súc. Vỏ cây được dùng chữa đau bụng kém tiêu và ho đờm, khản cổ. Thân cây được dùng ở Campuchia làm thuốc hãm uống trị đau bụng có hay không có tiêu chảy. Ở Malaysia, người ta còn dùng rễ và cả lá nghiền ra làm thuốc đắp trị loét mũi và dùng lá nấu nước xông.

PHẦN III

KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC, THU HOẠCH VÀ CHẾ BIẾN MỘT SỐ CÂY THUỐC

I. CÂY KÉ ĐẦU NGỰA

Tên gọi khác: Ké đầu ngựa còn gọi là phát ma

Tên khoa học: *Xanthium strumarium* L.

Thuộc họ: Cúc *Asteraceae*

Ta dùng quả ké đầu ngựa, hay toàn bộ phận trên mặt đất của cây ké đầu ngựa, phơi hay sấy khô.

Ở Trung Quốc, gọi quả ké là thương nhĩ tử (*Fructus Xanthii*).

• Mô tả cây

Cây ké đầu ngựa là một cây nhỏ, cao độ 2 m thân có khía rãnh. Lá mọc so le, phiến lá hơi 3 cạnh, mép có răng cưa, có chỗ khía hơi sâu thành 3 - 5 thùy, có lông ngắn cứng. Cụm hoa hình đầu có thứ lưỡng tính ở trên, có thứ chỉ gồm có hai hoa cái nằm trong hai lá bắc dày và có gai. Quả giả hình thoi, có móc, có thể móc vào

lông động vật. Trẻ con vẫn nghịch bỏ vào tóc nhau rất khó gỡ ra (cắt đôi thấy ở trong có hai quả thực).



Hình ảnh cây ké đầu ngựa

1. Trồng cây ké

Trồng vào mùa xuân, làm đất bón phân cho tốt (tro, đất sống phốt phát đều được). Đào lỗ nhỏ cho vào 3 - 4 hạt, mỗi hố cách nhau chừng 50 - 60 cm. Phủ ít đất lên và tưới ẩm, độ 10 ngày sau cây mọc. Khi cây cao độ 6 - 7 cm có thể đánh trồng chỗ khác. Vào cuối hạ hay sang thu quả chín thì hái cả cây hay chỉ hái quả thôi, phơi hay sấy khô mà dùng hoặc nấu cao như trên đã giới thiệu.

2. Phân bố thu hái và chế biến

Cây ké mọc hoang khắp nơi trong nước ta (đất hoang, bờ ruộng, bờ đường). Hái cả cây trừ bỏ rễ phơi hay sấy khô. Hoặc chỉ hái quả chín rồi phơi hay sấy khô.

3. Công dụng và liều dùng

Theo tài liệu cổ ké có vị ngọt, tính ôn, hơi có độc. Vào phế kinh, có tác dụng làm ra mồ hôi, tán phong, dùng trong các chứng phong hàn, đau nhức, phong thấp, tê dại, mờ mắt, chân tay co giật, uống lâu ích khí. Phàm không phải phong nhiệt chớ dùng. Trong sách cổ nói dùng ké phải kiêng thịt lợn. Nếu dùng thịt lợn cùng khi uống thuốc thì khắp mình sẽ nổi quầng đỏ.

Hiện nay ké là một vị thuốc thường dùng trong nhân dân Việt Nam, Trung Quốc, chữa mụn nhọt, lở loét, bثور cổ, ung thư phát bối (đàng sau lưng), mụn nhọt không đầu, đau răng, đau cổ họng, viêm mũi.

Nhân dân Liên Xô dùng ké đầu ngựa để chữa bثور cổ, các bệnh mụn nhọt, nấm tóc, hắc bào, ly và đau răng. Nhân dân ta và Trung Quốc thường chế thành cao thương nhĩ thường gọi là vạn ứng cao. Cách làm như sau: từ tháng 5 đến tháng 9, hái toàn cây về phơi khô cắt nhỏ nấu với nước lọc và cô thành cao mềm. Cao dễ

lên men, đóng chai thường phụt bật nút lên. Khi uống hòa với nước âm ấm, mỗi ngày từ 6 đến 8 g cao. Uống từ nửa tháng đến hai tháng.

Có thể chế thành thuốc viên thương nhĩ hoàn như sau: bỏ rễ, rửa sạch, cắt ngắn cho vào nồi nấu với nước sôi trong một giờ, lọc lấy nước, bã còn lại thêm nước, nấu sôi một giờ nữa, lọc và ép lấy hết nước. Hợp cả hai nước lại, cô thành cao mềm. Khi nào lấy que thủy tinh nhúng vào cao nhỏ lên giấy, giọt cao không loang ra nữa là được. Sau đó thêm vừa đủ bột vào (chừng 1/3 lượng cao) trộn đều chế thành viên.

Trước khi ăn cơm thì uống. Ngày uống 3 lần mỗi lần uống 16 - 20 g. Theo sách cổ, uống cao thương nhĩ phải kiêng thịt lợn, thịt ngựa sợ độc. Thực tế tại bệnh viện Giang Tây (Trung Quốc) bệnh nhân uống thuốc không kiêng thịt vẫn không xảy ra hiện tượng độc nào mà thuốc vẫn có tác dụng tốt.

Thuốc cao và thuốc viên nói trên chuyên chữa lở loét, mụn nhọt.

Đơn thuốc có kê dùng trong nhân dân:

Chữa đau răng: sắc nước quả ké, ngâm lâu lại nhỏ. Ngậm nhiều lần.

Mũi chảy nước trong, đặc: quả ké sao vàng tán bột.
Ngày uống 4 - 8 g.

Chữa thủy thũng, bí tiểu tiện: thương nhĩ tự thiên
tồn tính, đình lịch. Hai vị bằng nhau tán nhỏ. Uống với
nước mỗi lần 8g, ngày hai lần.

Chữa bướu cổ: ngày uống 4 - 5 g quả hay cây ké
dưới dạng thuốc sắc (đun sôi, giữ sôi 15 phút).

II. CÂY TRÀM

Tên gọi khác: Tràm còn gọi là cây chè đông, chè cay.

Tên khoa học: *Melaleuca leucadendron* L.

Thuộc họ: Sim *Myrtaceae*

- **Cây tràm cho ta những vị thuốc sau đây:**

- Cành non mang lá tươi hay phơi khô.
- Tinh dầu tràm thường gọi là tinh dầu khuynh diệp.
- Tinh dầu tràm tinh chế.

Mô tả cây:

Tràm là một cây nếu để phát triển tự nhiên có thể
cao tới 4 - 5 m, nhưng đều bị cắt xén, thường chỉ còn
những cây bụi chừng 40 - 50 cm. Trên thân cây to lớp
vỏ bong ra thành từng mảng to dài. Lá mọc so le,

cuống màu xanh vàng nhạt, phiến lá hình mác, trên có những gân chạy dọc theo gân chính, lúc đầu mỏng và mềm, về sau thành dày, cứng và giòn, thường là 4 - 8 cm, rộng 10 - 20 mm. Vì lá thường được nhân dân một số vùng (Phú Thọ) nấu nước uống thay chè lại mọc hoang ngoài đồng cho nên có tên chè đồng, vị nước uống hơi cay cho nên còn có tên chè cay. Hoa nhỏ màu trắng vàng nhạt, không cuống mọc thành bông ở đầu cành, nhưng sau từ đầu bông hoa, cành lại mọc dài thêm và mang lá thành ra bông hoa nằm giữa cành lá trông rất đặc biệt. Quả nang rất cứng 3 ngăn, hình tròn, đường kính 13 mm, cụt ở đỉnh, đài cứng tồn tại ôm sâu vào quả. Hạt hình trứng dài khoảng 1 mm.



Hình ảnh cây trà

Tên cajeput do chữ Malaysia của tên cây cajeput hay kaiputi có nghĩa là gỗ trắng vì cây này có màu nhạt trông xa như một rừng màu trắng.

1. Phân bố thu hái và chế biến

Cây trà mọc hoang tại khắp nơi trong nước ta từ Nam đến Bắc, nhiều nhất tại miền Nam mọc thành từng rừng bạt ngàn sau những rừng sú.

Tại miền Bắc, trà nhiều nhất tại tỉnh Quảng Trị, TP. Huế. Tại Nghệ An, Hà Tĩnh và vùng đồi núi huyện Kim Anh và Đa Phúc (Phú Thọ), huyện Phổ Yên (Thái Nguyên) cũng có một số ít trà mọc hoang.

Trước đây trà hầu như không được khai thác. Thường nhân dân chỉ hái lá và cành non về phơi khô nấu nước uống thay chè hay uống để giúp sự tiêu hóa. Mãi tới vào khoảng năm 1990 cây trà vùng Quảng Bình, Quảng Trị mới được khai thác để cất tinh dầu bán rộng rãi trên thị trường với tên “dầu khuynh diệp” (đúng ra là tinh dầu) vì khuynh là nghiêng, diệp là lá, cây trà có lá mọc nghiêng không giống những cây lá khác, từ đó cây này có tên là khuynh diệp.

Ngoài nước ta ra, trà còn thấy mọc hoang ở Campuchia, Indonesia, Philippin, Malaysia.

2. Công dụng và liều dùng

Trong nhân dân thường dùng lá và cành non mang lá để pha hay hãm hoặc sắc với nồng độ 20 g lá để trong 1 lít nước để uống thay nước giúp sự tiêu hóa, chữa ho hoặc để xông. Có thể dùng dưới dạng ngâm rượu với tỉ lệ 1/5 với tên còn khuynh diệp cùng một công dụng như trên với liều 2 - 5 g còn một ngày.

Phổ biến nhất là tinh dầu. Thường dùng nguyên chất để xoa bóp chữa đau nhức, tê thấp, ho, cảm. Mặc dù tỉ lệ xineol trong tinh dầu trầm thấp hơn trong tinh dầu bạch đàn giới thiệu sau đây nhưng người ta cho rằng tinh dầu sát trùng của tinh dầu trầm lại mạnh hơn tinh dầu bạch đàn, người lớn và trẻ con đều có thể dùng tinh dầu nguyên chất để xoa bóp, người ta có thể uống tinh dầu với liều X (10) đến L (50) giọt nhỏ vào nước thêm đường mà uống. Với tinh dầu tinh chế có thể chế thành thuốc tiêm với nồng độ 5 - 10 hoặc 20%. Ngày tiêm dưới da 1 - 2 ống chứa 0,10 - 0,20 g tinh dầu.

Dung dịch tinh dầu trầm 5 - 10 hay 20% trong dầu còn được dùng với tên gometol để nhỏ mũi chống ngạt mũi.

Người ta còn dùng tinh dầu pha vào nước với nồng độ 2% để rửa các vết thương rất tốt.

III. CÂY CÚC HOA

Tên gọi khác: Cúc hoa còn gọi là cam cúc hoa, bạch cúc hoa, cúc hoa trắng, cúc điểm vàng, hoàng cúc.

Tên khoa học: *Chrysanthemum sinense* Sabine

Thuộc họ: Cúc *Asteraceae* (*Compositae*)

Cúc hoa (*Flox Chrysanthemi*) là hoa cúc phơi hay sấy khô. Người ta còn dùng cả hoa của cây cúc hoa vàng hay dã cúc, kim cúc, cúc riềng vàng *Chrysanthemum indicum* L. (*Chrysanthemum procumbens* Lour.) cùng họ.

Cúc là cùng tận: tháng 9 hoa cúc nở sau cùng.

• Mô tả cây

Cây hoa cúc trắng (*Chrysanthemum sinense*) là một cây sống hai năm hay sống dai, thân mọc thẳng đứng, có thể cao 0,5 - 1,4 m, toàn thân có lông trắng mềm. Lá mọc so le, cuống dài 1 - 2,5 cm có lông trắng, phiến lá hình trứng hay hơi thuôn, hai đầu tù dài 3,5 - 5 cm, rộng 3 - 4 cm, chia thành 3 - 5 thùy mép có răng cưa và lượn sóng, mặt dưới nhiều lông màu trắng mốc. Cụm hoa hình đầu, màu trắng hay hơi tía ở phía ngoài, vàng ở giữa, mọc ở đầu cành hay kẽ lá.

Cây cúc hoa vàng (*Chrysanthemum indicum*) là một cây mọc thẳng đứng, cao chừng 90 cm. Phiến lá hình 3

cạnh tròn, thùy xẻ sâu. Cụm hoa hình cầu, đường kính nhỏ hơn loài hoa cúc nói trên, thường chỉ độ từ 1 - 1,5 cm (loài trên đo được 2,5 - 5 cm). Hoa trong và ngoài đều màu vàng.



Hình ảnh cây cúc hoa

1. Phân bố thu hái và chế biến

Cây hoa cúc được trồng nhiều ở nước ta để lấy hoa làm thuốc hay ướp chè, nấu rượu.

Trồng bằng mẫu thân, dài chừng 20 cm. Mùa trồng tốt nhất là các tháng 5 - 6. Sau 4 - 5 tháng bắt đầu thu hoạch (trồng cuối tháng 5 thu hoạch tháng 9, trồng trong tháng 6 thu hoạch tháng 10 - 11). Có thể trồng

ngay từ tháng 3, đến tháng 6 thì phát trụi bằng đi, sau đó cây lại nảy mầm, tháng 10 thu hoạch hoa nhiều và tốt hơn.

Thu hoạch hoa bắt đầu từ tháng 9 hay tháng 10. Tùy theo sự chăm sóc, thu hoạch được nhiều hay ít đợt. Làng Nhật Tân do tưới bằng khô dầu nên thu hoạch được nhiều đợt, từ lúa đầu thu hoạch vào tháng 9 đến tháng 3 năm sau là lúa cuối, cũng có thể hái tới 7 đợt. Làng Nghĩa Trai (Hưng Yên) bón bằng phân trâu bò nên chỉ thu hoạch có 4 đợt. Lúa thu hoạch đầu và cuối kém.

Hiệu suất trồng vườn là 2 tấn khô 1 hecta, cúc ruộng là 850 kg hoa khô 1 hecta. Sau khi thu hoạch lúa cuối cùng, người ta cuốc từng bụi thu vào một góc vườn. Không để giống ở ruộng hay ở vườn. Vì cây cúc vàng hiệu suất cao hơn cho nên hiện nay người ta thường hay trồng loại cúc vàng. Hiệu suất cúc trắng chỉ bằng 1/3 cúc vàng.

Hái hoa về, đem quây cốt rồi sấy diêm sinh độ 2 - 3 giờ, thấy hoa chín mềm là được, nếu hoa còn sống sẽ hỏng. Sau khi sấy diêm sinh, đem nén, trên đè càng nặng càng tốt. Nén độ 1 đêm thấy nước chảy ra đen là được, đem phơi độ 3 - 4 nắng nữa mới được. Nếu trời râm thì đêm phải sấy diêm sinh. Cứ 5 - 6 kg hoa tươi cho 1 kg khô.

2. Công dụng và liều dùng

Theo tài liệu cổ, hoa cúc trắng có vị ngọt, đắng, tính hơi hàn, cúc hoa vàng có vị đắng cay, tính ôn vào 3 kinh phế, can và thận. Có tác dụng tán phong, thấp, thanh đầu, mục, giáng hỏa, giải độc. Dùng chữa phong mà sinh hoa mắt, nhức đầu, mắt đỏ đau, nhiều nước mắt, đình nhọt.

Hiện nay cúc hoa được dùng trong nhân dân làm thuốc chữa các chứng nhức đầu, đau mắt, chảy nước mắt, cao huyết áp, sốt.

Liều dùng 6 - 15 g dưới dạng thuốc sắc, dùng riêng hay phối hợp với các vị thuốc khác. Dùng ngoài rửa đắp mụn nhọt.

Còn dùng để ướp chè hay ngâm rượu uống.

IV. CÂY CỎ NGỌT



Cây cỏ ngọt

<https://thuocdantoc.vn/wp-content/uploads/2019/06/cay-co-ngot-2.jpg>

Ruộng trồng cỏ ngọt

<https://bizweb.dktcdn.net/100/521/346/products/hat-giong-cay-co-ngot-2.png?v=1724129037000>

1. Nguồn gốc và phân loại thực vật

Tên gọi khác: Cỏ mật, cỏ đường. Các nước trên thế giới còn gọi là cây thay thế đường (Sweetener-sugar substitute) có nguồn gốc từ nước Paraguay (Nam Mỹ), dân bản xứ gọi là “Ka hê ê” được chuyển thành cây trồng từ năm 1931.

Tên khoa học: *Stevia rebaudiana* Bertoni (Hem-shi) hoặc *Eupatorium rebaudianum* thuộc chi *Stevia*, họ cúc *Asteraceae*.

2. Ý nghĩa kinh tế

Hiện nay đã phát hiện trên 100 loài thuộc chi *Stevia*, nhưng chất ngọt chỉ tìm thấy ở loài *Stevia rebaudiana*, không tìm thấy glucozit ở các loài *Stevia* khác.

Chất ngọt chính là steviozit chiếm từ 7-10% chất khô, có thể sử dụng ở dạng thô hoặc trộn với chè xanh hoặc chè đen để uống. Có thể chế biến thành siro, bột

hoặc tinh thể, dùng bao bọc các loại thuốc hoặc dùng trong công nghiệp thực phẩm làm bánh kẹo, nước hoa quả...

Ưu điểm: có tính bảo đảm cao, không mốc, đảm bảo tính an toàn của chất phụ gia thực phẩm. Chất ngọt từ cây cỏ ngọt rất có giá trị dùng để thay thế cho các thức ăn nghèo calo đáp ứng nhu cầu cho người bị bệnh đái tháo đường, cao huyết áp, béo phì... đây là loại đường có năng lượng thấp đang được thế giới ưa dùng trong công nghiệp thực phẩm để thay thế các loại đường có năng lượng cao. Ngoài ra còn dùng để chế biến các loại kem làm mềm da, sữa làm mượt tóc.

Cây cỏ ngọt được nhập trồng thử nghiệm tại Việt Nam từ năm 1998, qua thử nghiệm trồng cho thấy cỏ ngọt không yêu cầu khắc khe về đất đai, cỏ ngọt thích ứng với những vùng khí hậu khác nhau của nước ta, sinh trưởng tốt tại sông Bé, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Hà Nội, Phú Thọ, Lào Cai. Trồng bằng hạt, tách bụi hay giâm cành. Trong một lần có thể thu hoạch trong 5-10 năm, thuận tiện cho việc phát triển kinh tế vườn làm tăng năng suất, tăng thu nhập.

3. Thành phần hóa học

Từ năm 1908 Resenack, năm 1909 Dieterick đã phân ly được glucosid từ lá cỏ ngọt. Năm 1931 Bridel

và Navieille tìm được glucozit đó là steviozit. Chất steviozit thủy phân cho 3 phân tử steviol và izosteviol. Chất steviol ngọt hơn đường 300 lần.

Bằng phương pháp sắc ký bản mỏng và một số phương pháp sắc ký khác người ta đã tìm thấy các chất ngọt có trong lá *Stevia rebaudiana*. Kết quả thu được 11 chất khác nhau từ lá cỏ ngọt, chủ yếu là các chất có tính ngọt có điểm nóng chảy khác nhau.

4. Sử dụng steviozit trong y học và dược

Ở một số nước trên thế giới đặc biệt là Braxin và Paraguay người ta sử dụng steviozit cho bệnh nhân bị tiểu đường, ngày nay người ta còn sử dụng để bao bọc các loại thuốc đắng. Ở Việt Nam steviozit cũng được dùng rộng rãi.

5. Sử dụng steviozit trong công nghiệp thực phẩm

Hàng năm ở Nhật Bản thường sử dụng khoảng 50 tấn steviozit trong công nghiệp bánh kẹo, nước hoa quả, rượu màu, các món tráng miệng đông lạnh... Ở Paraguay nơi sinh ra cây trồng quý giá này thường dùng pha chế chè làm nước giải khát. Trên thế giới có 3 nước dùng cỏ ngọt nhiều trong công nghiệp thực phẩm là Nhật Bản, Brazil và Paraguay. Ngoài ra stevia còn được chế biến sữa làm muọt tóc. Tại Nhật Bản,

Hàn Quốc các khách sạn đã sử dụng nhiều các chế phẩm từ cỏ ngọt.

6. Đặc điểm thực vật học

- Hệ rễ: Là cây lâu năm có thân rễ khỏe, ít phân nhánh, mọc nông từ 0 - 30 cm tùy thuộc vào độ phì nhiêu, tơi xốp và mực nước ngầm của đất. Rễ của cây gieo hạt ít phát triển hơn rễ từ cành giâm. Hệ rễ chùm lan rộng ở đường kính 40 cm, hệ rễ phát triển tốt trong điều kiện đất tơi xốp đủ ẩm.

- Thân cành: Cỏ ngọt có dạng thân bụi, chiều cao 50 - 60 cm, thân cành tốt có thể đạt 80 - 120 cm, phân cành cấp I nhiều. Cành cấp I thường xuất hiện từ các đốt lá cách mặt đất 10 cm, sau đốt cành có thể xuất hiện ở các đốt trên thân.

- Lá: Mọc đối từng cặp hình thập tự, mép lá có từ 12 - 16 răng cưa, lá hình trứng ngược, lá trưởng thành dài khoảng 50 - 70 mm, rộng 17 - 20 mm.

- Hoa quả: Hoa phức, giao phấn khả năng tự thụ phấn thấp. Quả màu nâu thẫm, năm cạnh khi chín dài 2 - 2,5 mm, hạt không có nội nhũ. Cây con gieo từ hạt sinh trưởng yếu, chậm.

7. Kỹ thuật trồng

- Thời vụ: Ở Việt Nam cỏ ngọt cho thu hoạch quanh năm nhưng cho thu hoạch cao nhất vào khoảng tháng 4 - 11, do đó thời vụ có thể trồng quanh năm nhưng thích hợp nhất là khoảng thời gian từ tháng 3 - 9.

- Nhân giống:

Cây cỏ ngọt có nhân giống cả bằng các phương pháp:

+ Phương pháp hữu tính;

+ Phương pháp nuôi cây mô phân sinh Meris tema;

+ Phương pháp giâm cành:

Chọn cành ngọn ở cây mẹ khỏe có 4 - 6 tháng tuổi, dài 3 - 4 cm, có từ 2 - 3 đốt. Xử lý chất kích thích cho ra rễ, giâm vào cát sạch, hàng ngày tưới nước giữ ẩm (80 - 85%). Sau khi giâm 5 - 10 ngày thì cành giâm ra rễ. Tuổi cây con tốt nhất là sau khi ra rễ 2 tuần, cây cao 15 cm, bộ rễ phát triển mạnh. Ưu điểm của phương pháp này là có thể sản xuất cây con vào mùa hè, trong các điều kiện gia đình, tập thể với quy mô lớn, nhỏ. Các điều kiện nhiệt, ẩm độ không khí ảnh hưởng lớn đến khả năng ra rễ cũng như sự sinh trưởng của cành giâm.

Khi cây con đủ tuổi thì bứng ra trồng, không lên trồng quá sâu vì dễ bị thối cổ rễ, cũng không nên trồng

quá nông cây bị đổ. 3 ngày sau trồng cần tưới đủ ẩm, mỗi ngày 2 lần. Sau 1 tuần cây đã hồi xanh thì tiến hành bấm ngọn.

- Làm đất: Trước khi trồng cần có biện pháp xử lý đất để hạn chế nấm bệnh trong đất. Cỏ ngọt không kén đất nhưng cho năng suất thu hoạch cao trên đất thịt pha cát có độ pH từ 6 - 7, cấu trúc đất tơi xốp, độ phì cao, thoát nước tốt, mực nước ngầm thấp, đủ ẩm.

Làm đất giống làm đất rau, cày sâu 22 - 30 cm, bừa kỹ lên luống cao 30 cm, mặt luống rộng 80 - 150 cm tùy theo từng loại đất.

- Phân bón: Cây cho thu hoạch nhiều lứa trong năm, do đó cần lượng dinh dưỡng lớn. Sản phẩm thu hoạch là lá xanh, vì vậy muốn thu hoạch cao cần bón nhiều phân. Nhưng cần bón cân đối lượng N, P, K mới đem lại kết quả cao nhất. Không nên bón đạm nhiều quá làm tăng lượng nitrat trong lá làm giảm phẩm chất.

Cách bón:

+ Bón lót: $\frac{1}{2}$ phân chuồng + $\frac{1}{2}$ phân lân + $\frac{1}{2}$ kali.

+ Bón thúc: 6 tháng đầu $\frac{1}{2}$ đạm + $\frac{1}{2}$ kali.

Kết hợp vun xới các đợt hoặc tưới sau mỗi lần thu hoạch.

Sáu tháng trước khi cây qua đông, bón thúc đợt đầu bằng 1/2 phân chuồng và 1/2 phân lân còn lại. Kali và đạm dùng bón thúc sau các lứa cắt hoặc dùng tưới. Sang tháng 12 có thể phủ tro bếp để lấy sức đề kháng và chống rét cho cây. Nếu có điều kiện bón thúc phân chuồng vào tháng 12 để tăng nhiệt độ và tăng dinh dưỡng cho cây.

Trước khi bón phân cắt sát gốc, phủ phân và đất ủ cho cây qua đông (chú ý giữ độ ẩm 80-85%).

- Mật độ khoảng cách trồng:

Đặc tính dinh dưỡng của cây cỏ ngọt phụ thuộc vào nhiều yếu tố: điều kiện thời tiết, độ phì, đất trồng cụ thể.

Để có năng suất thu hoạch lá cao nên trồng với khoảng cách 20×20 cm.

Mật độ khoảng: 5.500 cây/360 m² tương đương 150.000 cây/ha.

Sau khi trồng nên phủ 1 lớp rơm rạ, mùn để giữ ẩm và chống cỏ dại, tăng độ tơi xốp cho đất.

- Chăm sóc:

Cỏ ngọt yêu cầu đất tơi xốp, độ thoáng cao, cần xới đất thường xuyên, đặc biệt giai đoạn đầu. Khi cây còn nhỏ, yếu, sinh trưởng chậm cần làm cỏ kịp thời. Sau

mỗi lần cắt nên xới nhặt sạch cỏ và bón thúc. Sau các trận mưa lớn khi se mặt luống cần xới cho thoáng đất.

- Tưới tiêu:

Cỏ ngọt là cây ưa ẩm nhưng không chịu úng. Độ ẩm thích hợp 70 - 80%. Chú ý giữ ẩm vào thời kỳ ngay khi trồng và cây con. Trong điều kiện khô hạn cần tưới rãnh, 7 - 10 ngày tưới 1 lần.

- Phòng trừ sâu bệnh:

Cỏ ngọt là cây ít bị sâu bệnh, tuy nhiên đôi khi xuất hiện một vài loài sâu bệnh như:

- Bệnh đốm lá;
- Có thể có bệnh do virus;
- Tuyến trùng hại rễ;
- Sâu hại thường gặp: bọ mật, bọ trĩ, rệp, nhện trắng.

Phòng trừ chủ yếu bằng phương pháp kỹ thuật nông nghiệp: Thu hoạch đúng thời gian và đảm bảo điều kiện dinh dưỡng sinh trưởng của cây là biện pháp phòng trừ sâu bệnh tốt. Khi xuất hiện bệnh hoặc sâu gây hại nhiều mới sử dụng thuốc trừ sâu bệnh phù hợp (thuốc được phép sử dụng).

8. Thu hoạch và bảo quản

Khối lượng thân lá và chất lượng cỏ ngọt đạt cao nhất vào giai đoạn bắt đầu ra hoa, do đó việc thu hoạch cần tiến hành ở giai đoạn hình thành nụ.

Khi thu hoạch cần để lại một số lá phía đoạn gốc (cách mặt đất 20 - 25 cm).

Cỏ ngọt cho thu hoạch 8 - 10 lứa/năm. Sau trồng 30-45 ngày cho thu hoạch lứa đầu. Sau thu hoạch xới xáo, bón thúc, cứ khoảng 25 - 30 ngày/lứa. Vụ thu đông số lứa thu hoạch gần nhau hơn.

Nếu đảm bảo đủ yêu cầu dinh dưỡng và chăm sóc tốt mỗi lứa cắt cho 450 - 500 kg cành lá tươi/360 m² (khoảng 6 lứa năng suất cao). Khoảng 8 tấn lá khô/ha/năm.

Trước khi thu hoạch 1 - 2 ngày không tưới nước, thu hoạch lúc sáng sớm khi cây có nụ. Lần 1 cắt cách gốc 15 - 20 cm. Sau 6 - 7 lần thu hoạch khi cây già, gốc to nâu cần đốn sát và trẻ hóa cây và tăng số cành hữu hiệu.

Phần thu hoạch về cần rửa sạch, phơi nắng hoặc sấy cho đến khô, lá khô cần bảo quản trong túi nilon tránh hút ẩm, bảo quản nơi khô thoáng, hàm lượng nước tự do khi bảo quản dưới 10%, tạp chất dưới 5%.

Khi thu hoạch cần để lại 3-5 cặp lá trên thân chính để cây nhanh ra mầm và lá non mới.

V. CÂY TAM THẤT

Tên khoa học: *Panax pseudoginseng* Wall (*Panax repens* Maxim), thuộc họ Ngũ gia bì (*Araliaceae*)

Tên khác: sâm tam thất, kim bất hoán, nhân sâm tam thất, điền thất.

Bộ phận dùng: Tam thất trồng từ 3 đến 7 năm mới thu hoạch rễ củ để làm thuốc. Đào rễ củ về, rửa sạch đất cát, cắt tía rễ con, phơi hay sấy đến gần khô, lăn xoa nhiều lần cho khô. Rễ củ hình trụ hoặc khối, hình thù thay đổi, dài khoảng 1,5 - 4 cm, đường kính 1 - 2 cm. Mặt ngoài củ màu vàng xám nhạt, trên mặt có những nét nhăn nhỏ theo chiều dọc. Khi chưa chế biến có lớp vỏ cứng bên ngoài, khó bẻ và khó cắt. Có thể tách riêng khỏi phần lõi. Củ có mùi thơm nhẹ đặc trưng của tam thất. Rễ củ trồng lâu năm, củ càng to, nặng, giá trị càng cao. Tam thất, (còn gọi là kim bất hoán - vàng không đổi) có thể trồng được nhưng rất công phu bởi lẽ:

- Nó là cây thân cỏ mà phải sống từ 6 - 7 năm mới cho thu hoạch được rễ củ chất lượng tốt. Trong 6 - 7 năm ấy, có biết bao trắc trở để nó phải vượt qua.

- Nó chỉ sống được ở vùng núi cao, lạnh mát quanh năm. Nhiệt độ thích hợp với nó là từ 20 đến 25°C. Nếu đem về trồng ở vùng nắng nóng đồng bằng thì chỉ 1 hoặc 2 ngày là chết ngay.

- Nó quang hợp ở nơi râm mát, không chịu được ánh sáng toàn phần của mặt trời. Độ chiếu sáng là 30%. Độ che tối là 70%. Ánh sáng thích hợp đối với nó là ánh sáng tán xạ, nửa tối. Vì thế người ta phải làm giàn che, hoặc trồng tam thất dưới tán rừng trồng.



Cây tam thất

1. Kỹ thuật trồng

- Gieo hạt ở vườn ươm:

Lấy hạt từ cây 3 tuổi trở lên, ủ trong chậu cát ẩm, đợi đến khi nứt nanh, đem gieo ở vườn ươm, trên luống đã chuẩn bị sẵn. Rắc trấu trộn lẫn với tro và tưới ẩm

thường xuyên. Làm giàn che đợi cây mọc. Gieo tháng 10 - 11 năm trước đến tháng 2 - 3 năm sau, cây sẽ mọc.

Đến mùa xuân năm thứ hai, khoảng tháng 2 - 3, bứng cây ra trồng. Đánh cả bầu đất. Đất trồng tam thất phải lên luống rộng 1,5 m. Ở giữa luống chôn cọc, làm giàn che trước hoặc lên luống ngay 2 bên cây trồng trong rừng trồng để trồng tam thất khi cây rừng đã giao tán kín, đủ cho ánh sáng dịu 30%. Mật độ trồng 20×20 cm, nghĩa là mỗi mét vuông có thể trồng từ 16 - 20 cây.

- Chăm sóc: Làm cỏ, bón lót, bón thúc bằng phân hữu cơ, nhất là việc tưới ẩm cần tiến hành định kỳ.

- Phòng trừ sâu bệnh:

Lúc cây nhỏ thường có sâu xám cắn ngang thân. Diện tích nhỏ có thể bắt bằng tay. Khi cây ra nhiều lá có thể có bệnh gỉ sắt (đốm vàng trên lá giống gỉ sắt). Dùng dung dịch đồng sunfat 1% (còn gọi là dung dịch Bordeaux) phun trực tiếp vào lá vài lần là hết. Nên phun vào lúc trời khô ráo.

2. Thu hoạch

Thu hoạch và chế biến cây tam thất 6 - 7 tuổi là thu hoạch được, còn cây 3 - 4 tuổi củ nhỏ và chất lượng

kém hơn. Rễ tam thất ăn không sâu nên có thể dùng rằm hoặc cuốc nhỏ để thu hoạch. Đào lấy rễ, rửa sạch, cắt rễ nhỏ, phơi hoặc sấy khô cho đến lúc héo, lăn cho vỏ mềm rồi lại tiếp tục phơi hoặc sấy. Làm như vậy, 3 - 4 lần củ tam thất rất chắc và cứng. Có nơi còn cho vào thùng kín, quay hoặc lắc cho đen bóng. Ngày nay, người ta thường không quay nữa, vì vậy tam thất có màu nâu nhạt hoặc hơi xanh biếc. Tất cả các sản phẩm phụ của nó như thân, hoa, lá, rễ con đều có thể chế biến thành trà, hoặc nấu cháo gà thêm ít đường quy ăn rất bổ. Năng suất trung bình: 1.000 kg/ha.

VI. CÂY BA KÍCH

Tên khác: Mã kích, dây ruột gà

Tên khoa học: *Morinda officinalis* How.

Họ: Cà phê - *Rubiaceae*



Cây và củ ba kích

- Giá trị sử dụng:

Bộ phận sử dụng là rễ củ ba kích, đây là loại dược liệu quý có vị cay ngọt, tính hơi ôn, có tác dụng ôn thận trợ dương, mạnh gân cốt, khử phong thấp, gân cốt yếu mềm, lưng gối mỗi đau.

- Đặc điểm hình thái:

Dây leo thân cỏ sống nhiều năm, cuộn lên cây khác. Thân non tím nhạt, có cạnh dọc thân, phủ lông mềm màu nâu vàng. Lá đơn mọc đối hình trái xoan dài, đầu nhọn dần, đuôi tù, khi non màu tím, có lông thưa. Quả

chín màu đỏ. Rễ mập hình trụ, thắt từng đoạn như ruột gà, giữa có lõi dai. Ba kích là loài cây chịu bóng, thường mọc tự nhiên dưới tán rừng nơi đất ẩm, thoát nước, đất cát pha đến đất thịt. Gặp nhiều ở các tỉnh vùng núi phía Bắc và Đông Bắc.

1. Kỹ thuật trồng

- Thời vụ trồng

Trồng vụ xuân hoặc vụ thu, chọn những ngày râm mát hoặc có mưa nhỏ.

- Phương thức và mật độ trồng:

+ Trồng ba kích dưới tán rừng tự nhiên: Căn cứ vào hiện trạng thực bì của đối tượng rừng trồng mà quyết định trồng theo băng, theo ô hay theo đám.

+ Nếu trồng theo băng thì chừa rộng 2 - 3 m, còn băng chặt rộng 1 - 2 m được phát dọn sạch thực bì rồi cuốc hố trồng ba kích trên đó. Trên các băng, khoảng cách giữa các cây là 2 - 3 m.

+ Trồng theo đám là chọn những khoảng rừng có độ tán che thích hợp rồi trồng rải rác cây ba kích vào đó. Trồng sao cho khoảng cách tối thiểu giữa các cây từ 1,5 m.

+ Trồng ba kích dưới tán rừng trồng: Có thể trồng dưới tán keo, tán quế... Sau khi trồng các cây trồng chính 1 - 2 năm thì tiến hành trồng ba kích xen vào giữa các hàng cây lấy gỗ. Đảm bảo khoảng cách giữa các cây ba kích tối thiểu là 2 m.

+ Trồng ba kích trong vườn hộ gia đình: có thể trồng dưới tán các loại cây ăn quả như: mít, vải, nhãn, na... Đảm bảo khoảng cách giữa các cây ba kích tối thiểu là 2 m.

+ Trồng ba kích nơi đất trống: Có thể trồng ba kích nơi đất trống như đất nương rẫy, đất đồi còn tốt. Trước khi trồng ta phải gieo trước các cây che phủ như: cốt khí, đậu ma..., gieo vãi toàn diện hoặc gieo theo băng. Trồng ba kích với khoảng cách là: hàng - hàng từ 2 đến 3 m, cây - cây từ 1,5 đến 2 m.

- Làm đất, bón lót và trồng cây

+ Làm đất: Đất phẳng thì cần tiến hành lên luống để tránh ngập úng làm thối rễ. Đất dốc thì tiến hành đào hố sâu 50×50×50 cm.

+ Bón lót: Bón lót 5 kg phân chuồng hoai + 0,2 kg supe lân hoặc 0,3 kg phân NPK cho mỗi hố, dùng cuốc trộn đều phân với đất, lấp cho gần đầy hố.

- Trồng cây:

Dùng dao sắc rạch bỏ túi bầu (tránh để vỡ bầu), đặt cây giống vào giữa hố, lấp đất đến qua cổ rễ và nén chặt. Trồng xong cần tưới ẩm nước ngay để tránh mất nước và rễ tiếp xúc với đất được tốt. Sau trồng cần phải cắm cọc cho ba kích leo lên.

- Chăm sóc sau trồng:

Trồng xong cần tưới ẩm cho cây khoảng 2 tuần đầu để cây bén rễ hồi xanh.

Trong 2 năm đầu, mỗi năm chăm sóc 2 - 3 lần và từ năm thứ 3 mỗi năm 1 - 2 lần. Nội dung chăm sóc là cuốc xới đất quanh khóm cây, nhặt cỏ dại và diệt bỏ những cây chèn ép. Năm thứ 2 bón bổ sung khoảng 3 kg phân chuồng hoai hoặc 0,3 kg NPK cho mỗi gốc.

+ *Chú ý*: điều chỉnh độ che tán 30-50%.

- Phòng trừ sâu bệnh

Cây ba kích ít khi bị bệnh. Tuy nhiên có thể xuất hiện một số bệnh như lở cổ rễ, vàng lá trong điều kiện thâm canh cao. Thường sử dụng thuốc Boocđô nồng độ 0,5% hoặc kết hợp với Benlat 0,1% để phun vào gốc và lá để phòng và trị. Rắc vôi bột xung quanh luống để chống kiến, dế.

2. Thu hoạch và chế biến

- Sau khi trồng khoảng 3-5 năm, có thể đào để lấy củ vào các tháng mùa đông là tốt nhất. Chú ý khi thu hoạch cần kết hợp lấy dây thân làm hom giống. Dùng cuốc lấp kín đất vào gốc cây vừa khai thác để mọc thành bụi mới.

- Củ thu hoạch về cần phân làm 3 loại. Loại A: đường kính củ từ 1,2 cm trở lên; Loại B: đường kính củ từ 0,8 - 1,1 cm trở lên; Loại C: đường kính củ nhỏ hơn 0,8 cm.

- Sau khi thu hoạch, rửa sạch đất, tước bỏ phần lõi cứng của củ rồi đem phơi khô để cất giữ lâu dài.

VII. CÂY BẠCH CHỈ

Cây bạch chỉ có tên khoa học là *Angelica dahurica*, còn gọi là hàng châu bạch chỉ, là một cây sống lâu năm, cao 1 - 1,5 m, đường kính thân có thể tới 2 - 3 cm. Thân rỗng, mặt ngoài màu tím hồng, phía dưới thân nhẵn, không có lông, nhưng phía trên gần cụm hoa thì có lông ngắn. Lá phía dưới to, có cuống dài, phiến lá 2 - 3 lần xẻ lông chim, thùy hình trứng hay hình trứng dài, dài 2 - 6 cm, rộng 1 - 3 cm, mép có răng cưa. Lá phía trên nhỏ hơn, toàn bộ cuống lá phát triển thành bẹ bao ôm lấy thân, hai mặt đều không có lông, nhưng trên

đường gân của mặt trên có lông ngắn. Cụm hoa hình tán kép mọc ở kẽ lá hay đầu cành. Cuống tán dài 4 - 8 cm, cuống tán nhỏ dài 1 cm, hoa màu trắng, quả dài chừng 6 mm, rộng 5 - 6 mm. Cây bạch chỉ là cây vị thuốc, có tác dụng làm thuốc giảm đau, nhức đầu phía trán, chữa cảm, đau răng, ngạt mũi, viêm mũi chảy nước mũi, khí hư, phong thấp, đau do viêm dây thần kinh.



Cây bạch chỉ

1. Kỹ thuật trồng cây bạch chỉ

- Thời vụ gieo trồng: Thời vụ của trồng của bạch chỉ là từ tháng 9 - 11.

- Xử lí hạt giống trước khi gieo: ngâm hạt giống trong nước ấm 35 - 40°C và ủ hạt cho tới khi hạt nảy mầm. Trong khi ủ phải thường xuyên dội nước để

tránh khỏi bị vón cục. Trước khi gieo mầm hạt đã nhú, thì trộn với tro bếp hoặc cát để gieo cho đều.

+ Bạch chỉ ưa đất toi xốp, đất pha cát hoặc đất mùn. Đất trồng bạch chỉ phải được cày bừa kỹ để diệt sâu bọ. Luống gieo hạt cao từ 15 - 20 cm bề mặt rộng 60 - 70 cm. Rắc phân hữu cơ trên luống rồi xới xáo đất cho thật mịn. Sau khi gieo hạt lại phủ lên hạt 1 lớp đất mịn cùng rơm rạ để giữ ẩm.

+ Cách gieo hạt:

Trên mặt luống bỏ những hốc thẳng theo hàng dọc, mỗi hốc cách nhau 20 - 25 cm. Bón phân hoai mục vào từng hốc, mỗi hốc gieo 3 - 5 hạt. Khi lên khỏi mặt đất thì phủ rơm rạ trên mặt luống để giữ ẩm. Sau 40-50 ngày khi cây cao 10 - 15 cm thì đem cây ra vườn ươm để trồng. Trước khi đưa cây ra vườn ươm trồng phải ngừng bón phân đạm cho cây trước 10 ngày để cây cứng cáp. Cần chú ý khi đào cây con phải thật cẩn thận để rễ cây không bị đứt, hỏng. Cách gieo hạt này sẽ cho những củ to, mập mạp có chất lượng tốt.

- Chăm sóc cây:

+ Khi cây lên 2 lá mầm thì pha loãng phân đạm để bón thúc cho cây. Sau 20 - 25 ngày lại bón thúc 1 lần, lần sau tăng nồng độ đạm cao hơn so với lần trước.

Cần làm cỏ tỉa bớt cành sao cho đến lúc cây 15 - 20 cm thì khoảng cách cây là 25 - 30 cm. Thường xuyên vun gồi để cây phát triển tốt. Phòng trừ sâu bệnh: khi nhiệt độ ngoài trời xuống thấp hoặc có mưa phùn thì loài sâu xám phá cây bắt đầu xuất hiện. Nên sử dụng thuốc hóa chất để trừ sâu.

Bạch chỉ ít mắc bệnh mà chỉ hay bị chết do ngập úng. Cách phòng chống tốt nhất là tháo nước ngay sau khi trời mưa.

2. Thu hoạch và chế biến

- Thu hoạch: Sau khi gieo trồng 6 - 7 tháng thì bắt đầu thu hoạch bạch chỉ. Vào thời điểm này lá cây cứng, úa vàng, một số cây đã trở ngồng hoa.

Cắt phần trên mặt đất vào ngày nắng rồi đào lấy phần rễ cây.

- Chế biến:

+ Sau khi đào xong phải rửa sạch đất cát rồi cắt hết rễ phụ vào cuống lá đen.

+ Phơi khô củ ngay sau khi đào hoặc để củ ủ với vôi 1 tuần rồi đem phơi. Nếu điều kiện ẩm ướt thì sấy củ trong

nhệt độ 35 - 40°C cho tới khi khô. Thường phơi 4 phần thì còn 1 phần khô.

VIII. CÂY BẠCH TRUẬT

Tên khác: Sơn kê, dương bão kê

Tên khoa học: *Atractylodes macrocephala* Koidz.

Họ: Cúc (*Asteraceae*).

- Cây: Cây thảo cao 40 - 60 cm, sống nhiều năm. Rễ thành củ mập, có vỏ ngoài màu vàng xám. Lá mọc so le, mép khía răng, lá ở gốc có cuống dài, xẻ 3 thùy; lá gần cụm hoa có cuống ngắn, không chia thùy. Cụm hoa hình đầu, ở ngọn; hoa nhỏ màu tím. Quả bế có túm lông dài. Mùa hoa quả tháng 8 - 10.

- Dược liệu: Thân rễ to (quen gọi là củ) có hình dạng thay đổi, hình chùy có nhiều mấu phình ra, phía trên thót nhỏ, hoặc từng khúc mập, nạc, dài 5 - 10 cm, đường kính 2 - 5 cm. Mặt ngoài màu nâu nhạt hoặc xám, có nhiều mấu, có vân hình hoa cúc, có nhiều nếp nhăn dọc. Chất cứng, khó bẻ gãy, mặt cắt không bằng, có màu vàng đến nâu nhạt, rải rác có khoang chứa tinh dầu màu nâu vàng, mùi thơm nhẹ.

- Bộ phận dùng: Thân rễ phơi khô của cây bạch truật (*Atractylodes macrocephala* Koidz., họ Cúc (*Asteraceae*)).



Hình ảnh cây bạch truật (nguồn sưu tầm)

1. Phân bố

Cây nhập từ Trung Quốc từ những năm 60 của thế kỷ XX, nay đã được trồng rộng rãi. Đặc biệt ở nước ta cây trồng được cả ở miền núi cao lạnh và đồng bằng thấp nóng. Nơi cao lạnh chủ yếu nhân và giữ giống, đồng bằng thu lấy củ.

2. Kỹ thuật trồng

- Bạch truật ưa khí hậu lạnh mát quanh năm, thích hợp ở độ cao 1000 - 1500 m so với mặt nước biển, nhiệt độ trung bình năm 15 - 18°C, lượng mưa

1800 - 2000 mm, độ ẩm không khí 70 - 80%. Cây cần đất pha cát, nhiều mùn, thoát nước, độ pH từ 6,5 đến 7.

- Ở vùng núi cao mát có thể gieo trồng vào các tháng 1; 2; 3 tùy thuộc mùa xuân đến sớm hay đến muộn, có khi gieo vào các tháng 9, tháng 10. Ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ, nên gieo sớm vào đầu mùa đông.

+ *Kỹ thuật chọn đất và trồng cây:*

- Chọn chân đất cao, thoát nước và dễ tưới tiêu trong mùa khô hạn. Ở đồi núi mới khai phá, nên cày vỡ đất trước một tháng. Do rễ bạch truật ăn nông nên trồng không cần luống cao. Tùy chân đất cao hoặc thấp và mức độ thoát nước, luống cao 20 - 30 cm, mặt luống rộng 40 - 50 cm.

+ *Kỹ thuật bón phân:*

- Mỗi hecta cần bón lót 20 - 25 tấn phân chuồng mục, 200 kg supe và 150 kg kali.

- Trong sản xuất bạch truật, người ta thường gieo thẳng. Mỗi hecta gieo 14-15 kg hạt. Gieo theo hàng cách nhau 20 cm. Nếu ở ruộng giống, hàng cách nhau 30 cm. Sau khi gieo, đảm bảo đất luôn ẩm xốp và sạch cỏ. Ở các thời kỳ cây 1; 2; 3 lá và khi cây khép tán cần tưới thúc nước phân chuồng. Tùy tuổi cây, nồng độ

phân khác nhau, có thể dùng phân ure pha với nước tưới. Mỗi hecta dùng 150 - 200 kg. Tỉa và dặm cây vào thời kỳ cây 3 lá.

Ruộng giống cần tỉa những nụ hoa quá nhỏ của cành cấp 2 và cấp 3. Nên dùng giống của những cây 2 năm tuổi. Năng suất trung bình mỗi ha có thể cho 130 - 150 kg hạt giống.

+ *Thu hoạch:*

Trồng ở vùng núi cao lạnh phải 2 - 3 năm sau mới có thể thu hoạch củ được. Trồng ở đồng bằng thời gian thu hoạch có thể rút xuống còn 8 - 10 tháng.

3. Công dụng

Bạch truật là vị thuốc bổ, bồi dưỡng, chủ yếu là bổ tỳ kiện vị, bổ máu. Được dùng chữa viêm loét dạ dày, suy giảm chức phận gan, ăn chậm tiêu, nôn mửa, tiêu chảy phân sống, viêm ruột mạn tính, ốm nghén, có thai đau bụng, sốt ra mồ hôi. Cũng dùng lợi tiểu, chữa ho, trị đái tháo đường.

IX. CÂY HỒI

Tên khác: Đại hồi, bát giác hương, đại hồi hương, hồi sao, hồi 8 cánh, mắc hồi (Tày).

Tên khoa học: *Illicium verum* Hook. f et Thoms.

Họ: Hôi - *Illiciaceae*

Tên thương phẩm: Chinese star anise, Star anise, Anise oil



Hình ảnh hoa hôi (nguồn sưu tầm)

Cây gỗ nhỏ, thường xanh, cao 6 - 8 m, đường kính thân 15 - 30 cm. Thân mọc thẳng, tròn, vỏ ngoài màu nâu xám. Cành non hơi mập, nhẵn, màu lục nhạt, sau chuyển thành màu nâu xám. Lá mọc cách và thường tập trung ở đầu cành, trông tựa như mọc vòng; mỗi vòng thường có 3 - 5 lá. Phiến lá nguyên, dày, cứng, giòn; hình trứng thuôn hay trái xoan thuôn; kích thước 6 - 12 × 2,5 - 5 cm; đầu lá nhọn hoặc tù, gốc lá hình nêm; mặt trên màu lục sẫm, nhẵn, mặt dưới xanh nhạt; gân dạng lông chim, gồm 9 - 12 đôi, không nổi rõ. Cuống lá dài 7 - 10 cm. Hoa lưỡng tính, mọc đơn độc hoặc 2 - 3 cái ở kẽ lá; cuống hoa ngắn; đài 5 - 6 lá, màu

lục, mép màu hồng, rụng ngay sau khi hoa nở; cánh hoa 16 - 20, hình bầu dục và thường nhỏ hơn các lá đài, mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu hồng thẫm, càng vào giữa càng thẫm; nhị 9 đến 10, có khi tới 20 hoặc 25 xếp thành 1 - 2 vòng, chỉ nhị ngắn; lá noãn 6 đến 8, có khi tới 13, hợp thành khối hình nón.

Quả gồm 6 đến 8, có khi tới 13 đại, khi già các lá noãn sắp xếp toả tròn, hình sao; khi chín có màu nâu; mỗi đại chứa 1 hạt. Hạt hình trứng thuôn hơi dẹt, nhẵn, màu nâu hoặc hung đỏ.

1. Phân bố

Tại Việt Nam, hồi được trồng chủ yếu ở Lạng Sơn (Văn Quán, Bình Gia, Cao Lộc, Bắc Sơn, Chi Lăng, Văn Lãng, Thị xã Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập, Tràng Định...) và Quảng Ninh (Bình Liêu). Gần đây hồi đã được đưa trồng ở Cao Bằng (Đông Khê) và Thái Nguyên.

2. Đặc điểm sinh học

Hồi đã được trồng từ rất lâu đời tại các khu vực đồi núi vùng Đông Bắc Việt Nam và miền Nam Trung Quốc. Các rừng hồi hiện có, tập trung chủ yếu ở độ cao 200; 300 – 400 hoặc 600 m, với nhiệt độ trung bình

năm trong khoảng 18 - 22°C và tổng lượng mưa trung bình năm theo từng vùng là 1000; 1400 đến 1600 hoặc lên tới 2800 mm. Vùng trồng hồi tập trung ở cả Việt Nam và Trung Quốc đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc, hằng năm có tới 4 tháng nhiệt độ không khí xuống thấp (trung bình 13,5 - 15°C) và thường có sương muối.

Cây ưa lớp đất mặt dày, độ phì cao, thoát nước tốt, có độ pH từ 5 đến 8, đặc biệt là đất feralit màu đỏ, màu nâu đến màu vàng, phát triển trên sa diệp thạch. Hồi là cây ưa sáng, song ở giai đoạn non lại cần được che bóng. Trong giai đoạn đầu, cây sinh trưởng rất nhanh theo chiều cao (tăng trưởng theo chiều cao có thể đạt tới 1,5 - 2,0 m/năm). Cây 5 - 6 năm tuổi có thể cao tới 9 - 10m. Cây trồng từ hạt có thể ra hoa, bói quả ở giai đoạn 5 - 6 năm tuổi. Thông thường, hồi nảy chồi vào 2 vụ trong năm. Vụ chính (còn gọi là vụ xuân) cây nảy chồi vào cuối tháng 1 đầu tháng 2; vụ phụ (hè thu) từ các tháng 6 - 7 đến tháng 10 - 11. Vụ hoa chính thường vào tháng 7 - 9 và cho quả chín vào tháng 7 - 9 năm sau. Đây là vụ hồi chính (vụ hồi mùa). Thực tế thì vào tháng 3 - 4 hàng năm cũng có một vụ hồi chiêm, song chất lượng quả thấp, vì chủ yếu là những quả còn non

bị rụng, quả chưa phát triển đầy đủ (thường gọi là “hồi đình”, “hồi chân chuột”, “hồi chân chó”...).

Nếu quan sát kỹ ta thấy, một số cây hồi thường ra hoa, mang quả rải rác quanh năm. Hồi mùa là vụ chính (cả năng suất, chất lượng quả đều cao). Thời gian từ khi nở hoa, thụ phấn đến lúc quả chín thường kéo dài khoảng 1 năm. Thường sau mỗi chu kỳ 2 - 3 năm cây lại sai quả một lần.

3. Công dụng

Hồi đã được sử dụng làm gia vị và làm thuốc từ hàng ngàn năm trước đây ở nước ta cũng như ở Trung Quốc. Quả và tinh dầu hồi là loại gia vị thơm, hấp dẫn trong chế biến thực phẩm. Tinh dầu hồi được sử dụng nhiều trong công nghệ chế biến rượu khai vị, rượu mùi, nước ngọt và bánh kẹo. Hương vị hấp dẫn của hồi vừa có tác dụng kích thích tiêu hóa, vừa gây cảm hứng ngon miệng.

Trong y học dân tộc ở nước ta cũng như tại Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ..., hồi được dùng làm thuốc gây trung tiện, kích thích tiêu hóa, chữa đau bụng, giảm đau, giảm co bóp trong dạ dày, trong ruột, lợi sữa, chữa trị nôn mửa, đau, thấp khớp, đau lưng, ngộ độc thịt cá và chữa trị khi bị rắn độc cắn... Tây y coi tinh dầu hồi có tính kích thích, tăng cường nhu động

ruột, dùng chữa đau bụng, tăng tiết dịch đường hô hấp, giúp tiêu hóa, giảm đau, khử đờm. Tinh dầu hồi có tác dụng kháng khuẩn, ức chế sự phát triển của vi khuẩn lao và nhiều loại vi khuẩn khác, nên được dùng làm thuốc sát khuẩn, trị nấm ngoài da và ghẻ lở. Hồi còn được dùng trong việc sản xuất, chế biến thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, diệt chấy, rận, rệp và một số ngoại ký sinh trùng ở gia súc.

4. Kỹ thuật nhân giống, gây trồng

4.1. Nhân giống

Hồi được nhân giống chủ yếu từ hạt. Hạt được chọn từ quả chín ở vụ hồi mùa (tháng 7 - 9), từ những cây mẹ khỏe, sai quả, chống chịu sâu bệnh tốt, ở giai đoạn 15 - 20 năm tuổi.

Quả thu về cần trải thành một lớp mỏng ở nơi râm, thoáng mát khoảng 4 - 5 ngày, để tách lấy hạt. Hạt hồi chứa dầu béo và sẽ mất sức nảy mầm rất nhanh; nên cần được gieo ngay sau khi thu hái hoặc bảo quản trong cát ẩm. Thời gian bảo quản càng lâu thì tỷ lệ hạt nảy mầm càng giảm.

Vườn ươm cần chọn đất sét nhẹ, đất đỏ, nhiều mùn, đủ ẩm. Trước khi gieo hạt cần cày bừa kỹ, dọn sạch cỏ, bón lót phân hữu cơ đã hoai mục (40 - 60 tấn/ha), xử lý

thuốc diệt nấm. Để hạt nảy mầm tốt, trước khi gieo cần ngâm hạt bằng nước ấm (35 - 37°C) trong 2 - 3 giờ. Hạt có thể gieo theo rạch, gieo vãi hoặc gieo vào các bầu đất đã được chuẩn bị sẵn, 1 kg hạt có thể gieo trên diện tích 80 – 100 m².

Sau khi gieo cần phủ lên trên một lớp rơm rạ hoặc cỏ tranh mỏng và tưới đủ ẩm. Tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, hạt có thể nảy mầm sau khi gieo từ 15 – 20, hoặc 40, có khi lên tới 90 ngày. Lúc này cần bỏ dần lớp rơm rạ phủ và làm giàn che bóng cao 50 - 60 cm. Thời gian đầu cần che kín, sau đó giảm dần độ che theo mức độ sinh trưởng của cây. Vườn ươm cần làm sạch cỏ, đủ ẩm, bón phân bổ sung, phòng trừ nấm gây hại gốc và rễ cây non. Khoảng 18 - 20 tháng sau khi gieo, cây con đã cao 50 - 70 cm. Đây là thời điểm có thể chuyển cây giống ra trồng trên diện tích sản xuất.

4.2. Trồng và chăm sóc

Thời vụ trồng tốt nhất là mùa xuân hoặc mùa mưa. Nên trồng hời ở những sườn đồi có tầng đất mặt tương đối dày, đủ dinh dưỡng, với độ pH từ 5 - 6.

Hố trồng cần đào sâu 50 - 60 cm, rộng 50 - 60 cm, bón lót 15 - 20 kg phân chuồng hoai mục và làm sạch cỏ xung quanh.

Sau khi trồng cần tưới nước đủ ẩm, che bóng. Nên giữ lại những cây rừng sẵn có xung quanh để làm cây che bóng. Về sau sẽ dọn dần cây rừng theo mức độ lớn và sinh trưởng của hồi. Trong những năm đầu có thể trồng xen khoai, đỗ, đậu, sắn hoặc chè để tận dụng đất và chống xói mòn.

Để hồi sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất quả cao, hàng năm cần bón phân hữu cơ NPK (khoảng 15 - 20 kg/cây) vào giai đoạn trước lúc cây ra hoa và sau khi thu hoạch quả. Khi bón cần đào rãnh quanh tán cây, rải phân vào rồi lấp đất lên, dọn cỏ, phát bỏ dây leo, cây bụi ở xung quanh và vun gốc. Chăm bón tốt, cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi, năng suất quả sẽ cao.

- Ở giai đoạn 5 - 6 năm tuổi, năng suất quả rất thấp, thường chỉ 0,5 - 1 kg/cây.

- Đến thời kỳ đạt 10 - 20 tuổi, năng suất quả trung bình có thể đạt 7 - 20 kg/cây.

- Từ 20 năm tuổi trở đi, cây bắt đầu cho năng suất quả ổn định, thường đạt 20 - 30 kg/cây, năm bội thu có thể tới 35 - 40 kg/cây (năng suất tối đa có thể đạt 45 - 50 kg/cây).

- Nếu được chăm bón tốt, hồi cho năng suất cao và ổn định, có thể kéo dài trong giai đoạn từ 20 đến 80 năm tuổi. Sau đó năng suất sẽ giảm dần. Chu kỳ canh tác có thể tới 90 - 100 năm.

5. Khai thác, chế biến và bảo quản

Sau khi thu hoạch, quả cần được phơi ngay, vì dễ lâu dễ bị mốc. Cũng có thể nhúng qua nước sôi nhanh trong vài phút để diệt men rồi mới phơi. Với cách làm này quả có màu đỏ, đẹp, nhưng hàm lượng tinh dầu có giảm đi chút ít. Thường cứ 100 kg quả tươi sau khi phơi sẽ cho chừng 25 - 30 kg khô.

Hồi thường được tiêu thụ ở dạng quả khô hoặc sản phẩm tinh dầu. Có thể cất tinh dầu khi quả còn tươi hay đã phơi khô. Đồng bào các dân tộc ở Lạng Sơn thường cất tinh dầu hồi bằng các nồi cất thủ công, đơn giản, tương tự như cất rượu. Thời gian cất có thể kéo dài từ 18 - 24 giờ. Để có hiệu suất và chất lượng tinh dầu cao, cần sử dụng các thiết bị chưng cất liên tục bằng hơi nước có hồi lưu với nồi hơi riêng. Bã còn lại sau khi cất tinh dầu có thể dùng làm nhiên liệu để đun hoặc ủ trộn với phân súc vật để bón cho cây trồng.

X. CÂY MẠCH MÔN

Tên gọi khác: Mạch môn, mạch đông, duyên giới thảo.

Tên khoa học: *Ophiopogon japonicus* (Thunb) Ker - Gawb

Họ: Mạch môn (*Haemodoraceae*). Trước kia gọi là họ Hành tỏi (*Liliaceae*)

1. Giới thiệu cây thuốc

1.1. Mô tả



Hình ảnh cây mạch môn (nguồn sưu tầm)

Mạch môn là một loại cỏ sống lâu năm, cao 10 - 40 cm, rễ chùm, trên rễ có những chồi phát triển thành củ mầm,

thân rễ ngắn, lá hình dải hẹp, mọc túm ở gốc, dài 15 - 40 cm, rộng 1 - 4 cm, gốc lá hơi có bẹ, bẹ lá ôm thân dài 15 - 40 cm, rộng 0,3 - 0,5 cm. Cánh mang hoa dài 10 - 20 cm, hoa màu lơ nhạt, cuống dài 3 - 5 mm, mọc tập trung 1 - 3 hoa ở kẽ các lá bắc, màu trắng nhạt. Hoa có tràng màu xanh nhạt. Quả mọng màu tím đen, đường kính 0,5 - 0,6 cm có 1 đến 2 hạt. Củ phát triển ở đoạn giữa rễ, củ già màu hồng, củ non màu trắng.

1.2. Đặc tính sinh thái

Mạch môn mọc hoang ở khắp vùng trung du và miền núi, có biên độ sinh thái rộng nên được trồng làm cảnh, làm thuốc ở khắp nơi trong nước ta, Trung Quốc cũng trồng nhiều. Dược điển Việt Nam và Trung Quốc đều ghi là vị mạch môn.

Mạch môn là cây ưa ẩm, ưa ánh sáng nhưng cũng chịu hạn, chịu bóng, có thể phát triển trên mọi loại đất, trừ nơi úng ngập.

2. Trồng trọt

2.1. Chọn vùng trồng và quản lý đất trồng

Quản lý đất trồng: Vùng trồng xa khu dân cư, cách xa các khu công nghiệp lân cận, không có khả năng rủi ro về lây truyền ô nhiễm đất. Quản lý và theo dõi được

các cây trồng trước đó không có nguy cơ tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và các yếu tố gây hại khác. Thành phần đất đã được đánh giá đạt yêu cầu cho trồng cây được liệt kê theo tiêu chí GAP¹.

2.2. Nguồn nước và quản lý nước tưới

Để đánh giá nguy cơ ô nhiễm hóa chất và sinh học từ nguồn nước sử dụng, nước sử dụng cho vùng trồng: nước tưới, sử dụng cho sau thu hoạch và chế biến đều dùng nước giếng khoan. Chất lượng nước giếng khoan đã được đánh giá đạt yêu cầu cho sử dụng, không có nguy cơ rủi ro gây ô nhiễm đất. Định kỳ có kiểm tra nguồn nước sử dụng. Nước tiêu khu trồng trọt và nước thải khu chế biến không được sử dụng lại vào vùng sản xuất dược liệu. Phòng ngừa triệt để nguy cơ gây ô nhiễm của nguồn nước không qua xử lý, chỉ sử dụng nguồn nước từ giếng khoan đưa lên bể chứa.

2.3. Giống

Mạch môn ra hoa đậu quả nhưng chưa gặt cây con nảy mầm từ hạt. Hiện nay trồng mạch môn vẫn bằng cây giống vô tính tách mầm từ gốc cây mẹ.

¹ GAP: Sản xuất nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices)

Chọn cây mạch môn phát triển thành bụi lớn, cây sinh trưởng mạnh, không dấu hiệu sâu bệnh có từ 3 năm tuổi trở lên, sau khi đào thu củ làm được liệu tách mầm làm giống. Mầm được tách ra cắt bỏ hết rễ con, cắt lá cách gốc 10 cm giâm ngay vào vườn ươm.

Vườn ươm làm luống như lên luống rau, mặt luống rộng 1,8 - 2 m. Phân chuồng hoai mục bón lót trên mặt luống trước khi san phẳng mặt luống (lượng phân chỉ nằm trên 10 - 15 cm mặt luống) lượng 10 tấn/ha. Đánh rãnh ngang mặt luống cách nhau 15 - 20 cm, cây giống dài theo rãnh cách nhau 4 - 5 cm, lấp đất ấn chặt, tưới ẩm và giữ ẩm thường xuyên 15 ngày đầu cho cây ra rễ. Sau 2 - 3 tháng cây giống nảy lá mới, ra rễ đầy đủ chuyển đi trồng (giữ cây giống qua mùa đông). Nếu đúng thời vụ không cần qua vườn ươm mà trồng thẳng cây giống khi tách ra vào ruộng sản xuất.

2.4. Kỹ thuật trồng trọt

2.4.1. Kỹ thuật làm đất

Ruộng trồng được phát bờ cuộc góc, vệ sinh đồng ruộng, làm sạch cỏ dại. Đất được cày để phơi ải, bừa kỹ nhặt sạch cỏ dại, lên luống rộng 60 - 80 cm, cao 20 - 25 cm.

2.4.2. Mật độ (khoảng cách) trồng

Mật độ khoảng cách trồng 20×20 cm cho đất nghèo dinh dưỡng, 30×20 cm cho đất tốt và ruộng thâm canh.

2.4.3. Phân bón và kỹ thuật bón phân

Phân chuồng hoai mục bón lót 15 - 20 tấn/ha; 800 kg phân NPK cho bón lót 50%; còn lại bón thúc kết hợp với làm cỏ vun gốc vào tháng 9 ngay sau mùa mưa.

2.4.4. Kỹ thuật trồng

- Trồng làm cảnh: Bao quanh bồn hoa, tạo hình tròn, vuông sao 5 cánh... hay bao quanh hàng rào dọc lối đi... kết hợp thu được liệu.

- Trồng cây bảo vệ đất, chống xói mòn: Ở vùng trung du trồng theo đường đồng mức (Kiểu luống khoai lang) từ lưng chừng đồi xuống chân đồi, cách 3 - 4 mét lại trồng một vòng mạch môn. Mạch môn phát triển rất nhanh, bảo vệ đất, chống xói mòn và giữ ẩm cho đất đồi rất tốt. Năng suất củ mạch môn khá cao.

- Trồng sản xuất: Trồng kiểu luống khoai lang thấp (cao khoảng 20 cm) mỗi năm bón phân và vun gốc một lần (vào tháng 9 dương lịch).

2.4.5. Chăm sóc và quản lý đồng ruộng

Quản lý đồng ruộng: Kiểm tra thường xuyên tình trạng đồng ruộng, dụng cụ phun thuốc và các bao gói, vệ sinh dụng cụ và xử lý nước thải khi vệ sinh dụng cụ phun thuốc, phòng ngừa khả năng gây ô nhiễm đất trồng và môi trường vùng sản xuất.

2.4.6. Phòng trừ sâu bệnh

Mạch môn ít gặp sâu bệnh. Phải chú trọng vệ sinh đồng ruộng, tháo nước sau mưa kịp thời, thực hiện chặt chẽ biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp.

3. Thu hái, chế biến, bảo quản

3.1. Thu hoạch, chế biến sau thu hoạch

Vào tháng 11 - 12, chọn những củ già trên 2 năm, cắt bỏ rễ con, rửa sạch.

Chọn ngày nắng ráo thu hoạch, đào lấy củ làm dược liệu và thu toàn cây để tách mầm làm giống. Sau khi thu về dược liệu nhặt sạch củ, loại bỏ củ bị bệnh, thối mốc để không làm ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị thương phẩm của dược liệu. Rửa sạch và sơ chế bằng cách phơi trên sân sạch, bạt dứa hoặc sấy ở nhiệt độ 45 - 60 °C đến khô. Dược liệu sau khi khô có màu vàng nâu nhạt, độ ẩm tối đa 13%.

3.2. Bảo quản và vận chuyển

Bao bì đóng gói: Đóng gói dược liệu bằng túi polyetylen dày khó rách, sau đó buộc chặt đầu tránh không khí xâm nhập làm ẩm, mất mùi thơm, ảnh hưởng đến chất lượng dược liệu. Đóng ngoài là bao gai bền có ghi đầy đủ ký hiệu lô sản xuất, ngày và nơi sản xuất.

Kho bảo quản: Ở nơi cao ráo, thoáng mát có cửa thông thoáng, trang bị kệ sắt để đặt sản phẩm, kệ cách tường kho và cách sàn kho 20 - 30 cm để tránh ẩm và mối mọt.

Thời gian bảo quản dược liệu: Dược liệu khô đóng gói kỹ trong điều kiện kho bình thường có thể bảo quản được 2 năm.

Vận chuyển: Bao hàng đưa lên xe vận chuyển được đóng thêm một lớp bao tải để khi vận chuyển trên đường tránh rách nát, làm hỏng dược liệu. Dùng xe chuyên biệt để chuyên chở dược liệu.

XI. CÂY THẢO QUẢ

Tên gọi khác: Thảo quả, đồ ho.

Tên khoa học: *Amomum aromaticum* Roxb.
(A.tsao_ko Grévost et Lemarié)

Họ: Gừng - Zingiberaceae

1. Đặc điểm, xuất xứ

Thảo quả thuộc họ gừng, phân bố tự nhiên ở vùng núi cao có khí hậu nhiệt đới ẩm và cận nhiệt đới, thích hợp với các loại đất tốt còn mang tính chất của đất rừng, đã được gây trồng ở các tỉnh miền Nam Trung Quốc và các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta như Tuyên Quang, Lào Cai.



Hình ảnh rừng cây thảo quả (Nguồn sưu tầm)

2. Giá trị sử dụng

2.1. Giá trị kinh tế

Hạt thảo quả có hàm lượng tinh dầu 1 - 1,5%, mùi thơm, ngọt, vị nóng cay dùng làm gia vị thực phẩm và làm thuốc chữa bệnh. Ở nước ta năm 2001, giá quả thảo quả khô lên đến 150.000 đồng/kg, năm 2002 - 2004 có giá trị từ 40.000 - 60.000 đồng/kg, nhiều hộ gia đình hàng năm thu hoạch 30 - 50 triệu

đồng từ thảo quả. Vì vậy nhiều địa phương đang coi thảo quả là cây xóa đói, giảm nghèo góp phần phát triển kinh tế xã hội, là cây trồng chuyển đổi xóa bỏ, thay thế cây thuốc phiện ở vùng cao.

Chính vì thảo quả có giá trị kinh tế cao như vậy nên diện tích trồng cây này những năm qua tăng rất nhanh nhưng chủ yếu theo lối tự phát trong nhân dân, nên có rất nhiều cách trồng khác nhau, do đó bên cạnh những diện tích có năng suất tương đối cao, còn tồn tại các diện tích trồng tự phát có năng suất thấp (*do chưa áp dụng quy trình kỹ thuật*).

2.2. Giá trị y dược

- Trị đau ngực, đau bụng, rối loạn tiêu hóa, chướng bụng, đầy hơi, trị sốt rét, tiêu chảy, trị hôi miệng và có nhiều công dụng trong y học khác.

2.3. Giá trị môi trường

- Bảo vệ và làm tăng tính đa dạng của rừng;
- Bảo vệ rừng, đất rừng và nguồn nước.

2.4. Giá trị về mặt xã hội

Tạo ra thu nhập thường xuyên cho người dân sống ở rừng; có tác dụng tạo công ăn việc làm và ổn định đời

sống cho người dân giải quyết vấn đề xóa đói giảm nghèo ở dân tộc miền núi.

Thảo quả là nguồn thu lớn và quan trọng của một số xã và nhiều gia đình ở các tỉnh vùng cao tỉnh Lào Cai, Tuyên Quang, Lai Châu...

Không ít gia đình đã thoát nghèo và trở thành triệu phú, tỷ phú từ trồng thảo quả trong rừng nguyên sinh. Có lẽ vì vậy, cây rừng tự nhiên trong những nương thảo quả luôn được người dân tự nguyện bảo vệ nghiêm ngặt từ đời này sang đời khác.

3. Điều kiện đất đai khu vực trồng thảo quả

3.1. Khí hậu

Là nơi có khí hậu tương đối mát mẻ, nhiệt độ bình quân từ 15 - 25°C. Lượng mưa trung bình hằng năm cao trên 2.000 mm/năm; độ ẩm cao, từ 85% trở lên; số giờ chiếu sáng trung bình là 3,93 giờ/ngày. Đặc biệt là đêm và sáng thường xuyên có sương mù.

Như vậy cây thảo quả có sinh trưởng và phát triển thích hợp ở những nơi có điều kiện khí hậu mát, lạnh quanh năm, có độ ẩm và lượng mưa cao, là cây chịu được giá rét.

3.2. Đất trồng thảo quả

Yêu cầu đất trồng phải tơi xốp, còn có tính chất đất rừng, đất phải giàu đạm và kali, nhưng nghèo lân. Hàm lượng mùn trong đất nhiều.

3.3. Độ tàn che nơi trồng thảo quả

Cây thảo quả là cây ưa bóng, độ tàn che thích hợp từ 60 - 70%. Và có thể ở dưới lớp cây che bóng cao từ 7 - 10 m là thích hợp nhất (*dưới tán rừng*).

3.4. Độ cao nơi trồng

Thảo quả trồng thích hợp nhất ở những nơi có độ cao từ 1.000 (1.200) - 1.700 m so với mực nước biển là có thể cho năng suất, sản lượng và chất lượng cao nhất.

4. Kỹ thuật trồng thảo quả

4.1. Kỹ thuật trồng dưới tán rừng tự nhiên

Cây thảo quả đòi hỏi điều kiện đất trồng phải tương đối cao, ẩm, mát quanh năm có tầng cây che bóng, nhưng phải thông thoáng ở dưới tán rừng.

4.1.1. Kỹ thuật tạo giống: có hai biện pháp

a. Tạo giống bằng thân ngầm

- Phân thân khí sinh: Phần trên mặt đất mang bẹ lá và lá, không có mắt mầm.

- Phần thân ngầm: Là phần dưới mặt đất mang mắt mầm và là nơi cho hoa, kết quả.

Tuổi cây chọn làm giống bằng thân ngầm tốt nhất là từ 6 - 9 tháng tuổi, chọn ở những bụi đã có quả, có năng suất, chất lượng. Thời điểm tách lấy giống từ tháng 1 đến tháng 9.

Khi tách giống bộ rễ được để nguyên, nếu bộ rễ quá dài thì cỏ thể cắt bớt và nên trồng ngay sau khi tách giống. Nếu chưa trồng ngay thì phải giâm xuống đất ẩm, tốt nhất giâm trong rừng trồng thảo quả, nếu giâm ở ngoài trời thì phải có giàn che ở mức 70%.

Tiêu chuẩn giống bằng thân ngầm chiều cao từ 60 - 80 cm, có từ 2 mắt mầm trở lên. Thân cây phải tươi sống, không bị giập nát. Nếu cây giống quá cao thì chặt bỏ phần ngọn và để lại phần gốc làm giống cao khoảng 60 cm.

b. Kỹ thuật tạo giống cây con từ hạt

Chọn giống ở những bụi thường xuyên cho quả, quả to và đều, thu hái giống vào tháng 10, tháng 11 hàng năm. Vườn ươm cây giống nên tạo tại vườn quả là tốt nhất. Nên làm đất vườn ươm trước khi thu hái quả giống. Nếu gieo ươm ngoài rừng thì phải làm giàn che có độ che phủ 70 - 80%, nơi gieo ươm có nhiệt độ, ẩm độ cao tương đương nơi trồng thảo quả.

Kỹ thuật làm đất vườn ươm: Làm sạch cỏ, cuốc lớp đất mặt sâu khoảng 20 cm, đập nhỏ, lên luống, chiều rộng luống 1 - 1,2 m, chiều dài luống phụ thuộc vào số lượng hạt gieo và địa hình, chiều rộng rãnh luống 35 - 40 cm, chiều cao luống 15 - 20 cm. Quả giống nếu gieo ngay thì tách bỏ vỏ quả trà sát cho sạch lớp áo sơ của hạt rồi mới gieo.

Xử lý hạt giống: Ngâm hạt giống trong nước ấm khoảng 40°C (2 sôi 3 lạnh) trong 8 giờ, vớt hạt ra rửa sạch cho vào trong cát ẩm ủ cho đến khi hạt nứt nanh rồi đem gieo lên luống đã chuẩn bị sẵn. Hạt giống có thể không cần xử lý trước khi gieo. Nếu không gieo ngay thì nhất thiết phải ủ cả quả trong đất ẩm, nơi râm mát, tốt nhất là ở trong rừng trồng thảo quả đến tháng 2 - 3 năm sau mang ra tách lấy hạt đem gieo.

Kỹ thuật gieo: Rắc hạt đều lên luống sau đó dùng đất nhỏ rắc lên trên lớp hạt sao cho vừa đủ lấp kín hạt giống rồi dùng tay dậm nhẹ, đều trên mặt luống giúp cho hạt giống tiếp xúc hoàn toàn với đất.

Mật độ gieo: Nếu trồng bằng cây con giá trần mật độ gieo khoảng 10×10 cm/hạt. Nếu trồng bằng cây con có bầu thì gieo dày với số lượng 1 kg hạt/m², gieo đến khi hạt nảy mầm cây con cao khoảng 1 cm thì đem cấy vào bầu.

Chăm sóc: Thường xuyên nhặt lá rơi, cành rụng không để cây con bị chèn ép, 15 - 20 ngày làm cỏ phá váng 1 lần, thời tiết khô hanh hàng ngày phải tưới nước đủ ẩm. Đối với cây con có bầu trước khi trồng 1 - 2 tháng tiến hành đảo bầu cắt đứt các rễ ăn ra khỏi bầu và phân loại tốt xấu để có biện pháp chăm sóc thích hợp.

Tiêu chuẩn cây con đem trồng: cây con đạt từ 12 - 24 tháng tuổi, chiều cao từ 30 - 60 cm, đường kính cổ rễ 0,6 - 0,7 cm, có 5 - 7 lá, cây không bị sâu bệnh.

4.2. Trồng rừng

- **Phương thức trồng:** Thảo quả có thể trồng theo hai phương thức: Trồng dưới tán rừng tự nhiên và trồng dưới tán rừng trồng (*loài cây có tác dụng cải tạo đất*).

- **Xử lý thực bì:** Phát dọn toàn bộ thảm tươi, cây bụi, dây leo, bụi rậm dưới tán rừng. Băm nhỏ cành nhánh rải đều trên mặt đất giúp chóng phân hủy, tăng độ phì cho đất. Dãy phát cỏ cục bộ quanh hố trồng đường kính 80 - 100 cm.

- **Đào hố và lấp hố:** Giống trồng bằng thân ngầm và cây con có bầu kích thước hố đào 30×30×30. Giống trồng bằng cây con rễ trần đào hố kích thước

20×20×20 cm. Khi đào hố để riêng lớp đất mặt 1 bên ở phía trên dốc. Chặt đứt toàn bộ rễ cây có trong lòng hố. Đào lấp trước khi trồng 20 - 30 ngày, lấp xuống hố toàn bộ lớp đất mặt, nhặt hết rễ cây, sỏi đá. Lấp xong phải cao hơn mặt đất tự nhiên 2 - 3 cm.

- Mật độ trồng 1111 khóm (cây)/ha ($3 \times 3\text{m}$)

- **Thời vụ trồng:** Trồng vào mùa mưa (*mùa hè*) từ tháng 6 đến tháng 8, có thể trồng vào mùa xuân tháng 2 đến tháng 3, nhưng phải tránh những ngày giá rét.

- **Kỹ thuật trồng:**

+ *Trồng bằng thân ngầm:* Dùng cuốc khơi rộng moi đất vừa đủ đặt hom cây. Đặt cây đúng giữa hố, nhưng hom thân phải nghiêng 1 góc 25 - 30° so với mặt lấp, lấp đất đầy hố, dùng chân lèn chặt đất xung quanh gốc, chú ý không lấp đất sâu quá cổ rễ và không làm tổn thương đến mắt mầm.

+ Trồng cây con có bầu và cây con rễ trần

* Với cây con có bầu: Dùng cuốc khơi rộng lòng hố vừa đủ đặt bầu cây, chiều sâu lòng hố cao hơn chiều cao túi bầu 1 cm. Rạch bỏ vỏ bầu (nếu vỏ bầu bằng nylon), đặt bầu cây thẳng đúng trong lòng hố, lấp đất và lèn chặt.

* Với cây con rễ trần: Dùng cuốc moi đất khơi rộng lòng hố vừa đủ đặt cây con, đặt cây thẳng đứng trong lòng hố, lấp đất lên chặt, không lấp đất sâu quá cổ rễ.

- *Chăm sóc:*

Sau khi trồng 2 - 3 tháng tiến hành chăm sóc và trồng dặm. Các năm sau chăm sóc 2 - 3 lần/năm. Thời gian chăm sóc vào các tháng 3; 7; 11. Lần 1 trước thời điểm ra hoa, lần cuối trùng với thời điểm thu hoạch quả và kết hợp chặt bỏ cây già.

Kỹ thuật chăm sóc: Phát bỏ dây leo, bụi rậm, cỏ dại xâm lấn vun xới đất xung quanh khóm đường kính phụ thuộc vào đường kính bụi. Sau mỗi vụ thu hoạch bón phân gà, tro bếp, phân chuồng hoai và 100 – 200 g NPK/bụi.

- Phòng trừ sâu bệnh: Thảo quả rất ít sâu bệnh, vỏ quả chín có mùi thơm vị ngọt nên dễ bị chuột phá hoại, vì vậy cần thu hái quả đúng thời vụ.

- *Thu hoạch và sơ chế bảo quản:*

+ Thu hoạch: Giống trồng bằng thân ngầm sau trồng 2 - 3 năm bắt đầu cho quả, giống trồng bằng hạt sau 3 - 4 năm cho quả, từ năm thứ năm trở đi cây bắt đầu cho thu hoạch sản lượng ổn định.

Vào tháng 9 - 11 khi vỏ quả chuyển sang màu đỏ thẫm, quả chưa nứt tiến hành thu hoạch. Nếu thu hoạch chậm quả sẽ bị nứt làm ảnh hưởng đến chất lượng của hạt.

+ Sơ chế, bảo quản: có hai phương pháp:

* **Phương pháp 1:** Thu hái về đem phơi hoặc sấy ngay, trong thời gian sấy thường xuyên đảo, nhiệt độ sấy phải phù hợp với từng giai đoạn sấy. Thường sấy 2 - 3 ngày liên tục được 1 mẻ, khi nào vỏ quả có màu xám đen, nhăn lại thành các vết dọc và 1 lớp phấn trắng phủ bên ngoài là quả đã khô.

* **Phương pháp 2:** Thu hái quả về cho ngâm vào nước sôi 2 - 3 phút rồi vớt ra rải đều cho ráo nước sau đó đem phơi hoặc sấy khô, phương pháp này tốn công nhưng giữ được màu vỏ quả tươi đẹp hơn.

Sau khi quả khô để nguội cho vào túi nylon buộc chặt để trên gác bếp hoặc sàn nhà phơi khô ráo, tránh nơi ẩm mốc. Thảo quả có tinh dầu nóng cay nên ít bị mối mọt. Nếu chưa bán ngay mà cất trữ lâu trong nhà thì thường xuyên phải kiểm tra, khi phát hiện thấy thảo quả ẩm phải mang ra phơi nắng ngay.

Thảo quả là một cây thuốc có giá trị cao về kinh tế, môi trường cũng như xã hội nên cần phải nâng cao

trách nhiệm của người dân đối với công tác bảo vệ các khu rừng tự nhiên, hình thành vùng sản xuất hàng hóa đối với loài cây dược liệu quý là thảo quả. Ngoài ra, đây cũng là hướng phát triển kinh tế năng động góp phần xoá đói giảm nghèo bền vững cho đồng bào các dân tộc vùng cao.

XII. CÂY ĐÌNH LĂNG

Tên gọi khác: Đình lăng, cây gỏi cá

Tên khoa học: Polyscias fruticosa (L.)

Harms (Tieghempanax fruticosus R Vig.)

Họ: Ngũ gia bì - Araliaceae

1. Giới thiệu

Trong dân gian, đình lăng thường dùng để trị ho ra máu, chữa tắc tia sữa, làm mát huyết, lợi tiểu, chữa mẩn ngứa. Lá đình lăng cũng được dùng để nấu canh với thịt, cá để bồi bổ cho sản phụ, người già hoặc người ốm mới dậy. Cây đình lăng có tên khoa học là Polyscias fruticosa thuộc họ Ngũ gia bì. Cây đình lăng được chúng ta trồng ở chậu hoa hay trong vườn ở trước sân nhà làm cây cảnh. hoặc làm dược liệu quý. Cây đình lăng sử dụng được toàn bộ cây từ củ, rễ, cành và lá để làm thuốc trị bệnh bồi bổ sức khỏe và làm gia vị

cho các món ăn như gỏi cá, thịt chó... Hiện nay, ở một số địa phương, bà con nông dân hoặc các trang trại đã biết trồng với số lượng lớn vì hiệu quả kinh tế. Đinh lăng còn được gọi là cây gỏi cá, thuộc họ ngũ gia bì là loại cây nhỏ, cao 0,8 - 1,5 m, thường được trồng làm cây cảnh trước nhà hoặc chùa, miếu.



Hình ảnh cây đinh lăng (nguồn sưu tầm)

Cây có lá kép, mọc so le, lá 3 lần xẻ lông chim, mép khía có răng cưa. Hoa nhỏ màu trắng, mọc thành tán. Quả dẹt, dài 3 - 4 mm, dày khoảng 1 mm. Lá đinh lăng phơi khô, nấu lên có mùi thơm đặc trưng, dân gian gọi nôm na là mùi “thuốc Bắc”. Theo Y học cổ truyền, rễ đinh lăng có vị ngọt, hơi đắng, tính mát có tác dụng thông huyết mạch, bồi bổ khí huyết, lá có vị đắng, tính mát có tác dụng giải độc thức ăn, chống dị ứng, chữa

ho ra máu, kiết lỵ. Trong dân gian, đinh lăng thường dùng để trị ho ra máu, chữa tắc tia sữa, làm mát huyết, lợi tiểu, chữa mẩn ngứa. Lá đinh lăng cũng được dùng để nấu canh với thịt, cá để bồi bổ cho sản phụ, người già hoặc người mới ốm dậy.

2. Kỹ thuật trồng cây đinh lăng

** Chọn giống*

Theo dân gian, đinh lăng có hai loại chính: Đinh lăng nếp và đinh lăng tẻ.

+ Đinh lăng nếp: là loại lá nhỏ, xoắn, thân nhẵn, củ to, rễ nhiều và mềm, vỏ bì dày cho năng suất cao và chất lượng tốt. Nên chọn loại này để trồng, khi chọn giống, chọn cành bánh tẻ hoặc phần ngọn của cây có màu nâu nhạt, chặt ra từng đoạn 25 - 30 cm (dùng dao sắc để chặt, tránh bị giập hai đầu) không nên trồng cả cành dài vừa lãng phí giống vừa khó chăm sóc.

+ Đinh lăng tẻ: là loại lá to, vỏ thân xù xì, màu xanh nhạt, củ nhỏ, rễ ít và cứng, vỏ bì mỏng, năng suất thấp. Loại này không nên trồng.

** Kỹ thuật làm đất và trồng*

Đinh lăng là loại cây chịu hạn, không ưa đọng nước, phát triển tốt ở vùng đất pha cát, hơi xốp, có độ ẩm trung bình.

Làm đất trồng đỉnh lăng: Khi trồng đại trà, diện rộng phải cày bừa làm đất tơi. Nếu ở vùng đồi phải cuốc hốc sâu 20 cm, đường kính hố 40 cm. Đất làm tơi, lên luống cao 20 cm, rộng 50 cm. Đặt hom giống cách nhau 50 cm, đặt nghiêng hom theo chiều luống, giữa các hom bón lót bằng phân chuồng 4 kg/sào và 20 kg phân NPK (tránh bỏ phân sát hom giống), sau đó lấp hom, để hờ đầu hom trên mặt đất 5 cm.

Trồng xong, phủ rơm rạ hoặc bèo tây lên mặt luống để giữ độ ẩm và tạo mùn cho đất tơi xốp. Khi trồng xong, nếu đất khô phải bơm nước ngập 2/3 luống hoặc tưới nước đảm bảo độ ẩm cho đất trong vòng 25 ngày nhưng không để ngập nước. Nếu trời mưa liên tục phải thoát nước ngay để tránh thối hom giống.

Thời vụ: Nên trồng vào mùa xuân, từ tháng 1 đến tháng 4. Vào mùa hè cần phải giâm hom giống 20 - 25 ngày cho ra rễ mới đem trồng. Giâm cành bằng cách đem hom cắm xuống đồng cát để trong bóng mát.

3. Chăm sóc

Đỉnh lăng là cây phát triển quanh năm, chịu hạn, ít sâu bệnh. Hầu như không cần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Từ năm thứ hai trở đi cần tỉa bớt lá và cành,

mỗi năm 2 đợt vào tháng 4 và tháng 9. Mỗi gốc chỉ để 1 - 2 cành to là được.

Năm đầu vào tháng 6 sau trồng, bón thúc 8 kg ure/sào bằng cách rắc vào má luống rồi lấp kín. Cuối năm thứ hai vào tháng 9 sau đợt tỉa cành, bón thêm phân chuồng 300 kg/sào và 15 kg NPK + 4 kg kali. Trồng từ 3 năm trở lên mới thu hoạch.

4. Thu hoạch

Đinh lăng có thể thu hoạch quanh năm, song tốt nhất là vào tháng 11 - 12. Củ và rễ tươi đã thu hoạch cần chế biến ngay, không nên để quá 5 ngày. Có thể thái lát mỏng 0,3 - 0,5 cm rồi rửa sạch đem phơi hoặc sấy khô. Khi bảo quản đóng bao 2 lớp: trong nilon, ngoài bao tải dứa để tránh mốc.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	3
------------------------	---

Lời nói đầu	5
-------------------	---

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU

I. Khái niệm	7
--------------------	---

II. Tầm quan trọng của cây thuốc và cây dược liệu	9
---	---

III. Khái quát chung về kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cây thuốc	11
--	----

1. Vùng trồng cây thuốc	11
-------------------------------	----

2. Giống và nguyên liệu làm giống	15
---	----

3. Trồng trọt	17
---------------------	----

4. Phòng trừ sâu bệnh	23
-----------------------------	----

5. Thu hoạch	25
--------------------	----

PHẦN II. MỘT SỐ CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC CÓ NHIỀU Ở VÙNG ĐỒNG NÚI

I. Cúc nút áo	29
---------------------	----

II. Cây mán đĩa	31
-----------------------	----

III. Cây sảng	34
---------------------	----

IV. Cây dây hương	36
-------------------------	----

V. Cây tam tầng	38
-----------------------	----

VI. Cây ngán nhẵn	39
-------------------------	----

VII. Cây lài trâu	41
-------------------------	----

VIII. Cây dẻ	43
IX. Cây sâm bông bong	45
X. Cây gừng gió.....	48
XI. Cây cóc đá.....	50
XII. Cây cốt khí củ.....	52
XIII. Chân danh	53
XIV. Cây cóc kèn sét.....	55
XV. Cây dây xanh	57
XVI. Cây hồng bì đại.....	59

**PHẦN III. KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC,
THU HOẠCH VÀ CHẾ BIẾN
MỘT SỐ CÂY THUỐC**

I. Cây ké đầu ngựa	62
II. Cây trầm	66
III. Cây cúc hoa.....	70
IV. Cây cỏ ngọt.....	73
V. Cây tam thất.....	83
VI. Cây ba kích.....	86
VII. Cây bạch chi	91
VIII. Cây bạch truật.....	95
IX. Cây hồi.....	98
X. Cây mạch môn	107
XI. Cây thảo quả.....	113
XII. Cây đinh lăng.....	124

NHỮNG CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC QUÝ

CHỮA BỆNH Ở MIỀN NÚI VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập:

TS. TRẦN CHÍ ĐẠT

Biên tập: Nguyễn Phương Liên, Nguyễn Huy Tiến,

Nguyễn Thu Trang, Đỗ Huyền Trang

Trình bày sách: Công ty CP tư vấn xuất bản và Truyền thông Việt

Trình bày bìa: Đặng Nguyên Vũ

Sửa bản in: Đỗ Huyền Trang

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

www.nxbkhcntt.vn, book365.vn, ebook365.vn; ebook.gov.vn

Trụ sở: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy

Hưng, phường Yên Hoà, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.35772143; Điện thoại Phát hành: 024.35772138

E-mail: nxb.tttt@mst.gov.vn

Chi nhánh Nhà xuất bản tại TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 27 Nguyễn Bình Khiêm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.35127750/35127751

E-mail: cnsg.nxbtttt@mst.gov.vn

Chi nhánh Nhà xuất bản tại miền Trung - Tây Nguyên:

Địa chỉ: 42 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng

46 Y Jút, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0236.3897467/0262.3808088

E-mail: cndn.nxbtttt@mst.gov.vn; Fax: 0236.3843359

In 1030 bản, khổ 14.5x20.5 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Hải Nam.

Địa chỉ: Số nhà 18 ngách 68/53/9, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4071-2025/CXBIPH/7-162/KHCNTT

Số QĐXB: 683/QĐ-NXBKHCNTT ngày 13 tháng 11 năm 2025

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2025

ISBN: 978-604-45-1847-3